

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Đăng trên website: <http://thanmienbac.vn>)

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN
VỀ TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

PHẦN THỨ NHẤT
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Đánh giá chung:

Năm 2025 là năm có nhiều biến động phức tạp về thời tiết so với các năm, mưa nhiều, lượng mưa lớn nên các nhà máy nhiệt điện đều giảm công suất phát điện, giảm khối lượng nhận than so với kế hoạch ban đầu, dẫn đến khó khăn trong công tác tiêu thụ, gia tăng áp lực than tồn kho đối với TKV nói chung và TMB nói riêng. Được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo TKV, sự giúp đỡ và phối hợp của các ban chuyên môn TKV trong các giải pháp điều hành, hướng dẫn tháo gỡ những vướng mắc phát sinh, TMB đã sớm tổ chức triển khai các nhiệm vụ kế hoạch PHKD năm 2025 ngay từ những ngày đầu quý 1, thực hiện nghiêm kỷ luật điều hành, sắp xếp hệ thống kho bãi, duy trì đảm bảo các nguồn than cho công tác pha trộn và chuẩn bị chân hàng để cung cấp than kịp thời cho các nhà máy nhiệt điện theo kế hoạch tiêu thụ hàng tháng của TKV.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH (%)
1	Chỉ tiêu sản lượng				
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	6.700.000	4.130.926	62%
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	15.591.000	13.855.020	89%
	- Than pha trộn giao TKV bán hộ Điện	Tấn	12.781.000	11.827.907	
	- Than giao lại TKV bán hộ Đạm, khác	Tấn	250.000	227.011	
	- Than tự doanh	Tấn	1.000.000	983.133	
	- Than nhập khẩu bán các cho đơn vị pha trộn	Tấn	1.560.000	816.969	
2	Doanh thu tổng số:	Tr.đồng	42.192.653	30.187.224	72%
2.1	Doanh thu than	"	42.115.863	30.109.963	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	70.000	57.244	
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	6.790	20.016	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH (%)
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	Tr.đồng	40.745.476	28.923.358	71%
3.1	Kinh doanh than	"	40.742.886	28.917.715	
3.2	Kinh doanh khác	"	2.590	5.642	
4	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	1.447.177	1.263.866	87%
4.1	Kinh doanh than	"	1.372.977	1.205.803	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000	57.244	
4.3	Kinh doanh khác	"	4.200	819	
5	Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài	Tr.đồng	823.885	691.153	84%
5.1	Kinh doanh than	"	819.885	691.153	
5.2	Kinh doanh khác	"	4.000		
6	Giá trị sản xuất tính lương (trừ chi phí V/chuyên, bốc xếp bán hàng thuê ngoài)	Tr.đồng	623.092	572.713	92%
6.1	Kinh doanh than	"	553.092	514.650	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000	58.063	
7	Tổng chi phí SXKD trong kỳ:	Tr.đồng	1.317.177	1.142.394	87%
7.1	Chi phí trung gian:		1.103.542	932.334	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, BX bán thuê ngoài:</i>		823.885	691.153	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):		213.635	210.060	
	- Khấu hao tài sản	"	6.303	7.875	
	- Tiền lương		191.632	175.672	
	+ Quỹ lương người lao động	"	188.432	172.949	
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	3.200	2.723	
	- Bảo hiểm, thù lao HĐQT, BKS	"	10.700	16.605	
	- Thuế (trong giá thành)	"	5.000	9.909	
8	Lợi nhuận:	Tr.đồng	130.000	121.472	93%
9	Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương	Tr.đồng			
9.1	Đơn giá tiền lương: (đồng/1.000đ GTSX thuần)	đ/1000đ	302	302	100%
9.2	Lao động bình quân	Người	617	617	100%
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>611</i>	<i>611</i>	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th			
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	25.882.000	23.727.000	92%
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	25.700.000	23.588.224	92%
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	44.444.000	37.819.444	85%
10	Nộp ngân sách:	Tr.đồng	Theo QĐ	1.502.404	
11	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	28.989	28.989	100%
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL	≥ 20	≥ 20	100%

3. Tình hình thực hiện các mặt công tác:

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành các quy chế, quy định:

- Đảng ủy TMB đã triển khai cụ thể hóa Nghị quyết số 212-NQ/ĐU ngày 16/12/2024 của Đảng ủy TKV bằng việc ban hành Nghị quyết số 735-NQ/ĐU ngày 02/01/2025 về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2025; Đảng ủy và Ban Giám đốc tổ chức họp giao ban định kỳ, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ than và kinh doanh than; Các nghị quyết được ban hành kịp thời về an toàn lao động, cơ giới hoá, tự động hoá, tiết giảm chi phí và nâng cao năng suất; Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Triển khai Quyết định số 1019/QĐ-TKV ngày 23/5/2025 của TKV về việc “Ban hành Kế hoạch điều hành đáp ứng mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025 của Tập đoàn các công ty TKV”, TMB đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công nghệ pha trộn than, quản trị chi phí, tổ chức điều hành sản xuất linh hoạt; tuy nhiên, do các nguyên nhân như đánh giá phân tích ở trên dẫn đến kết quả thực hiện điều hành các mục tiêu tăng trưởng chưa đạt kế hoạch được giao.

- TMB đã nghiêm túc triển khai Quyết định số 2295/QĐ-TKV ngày 26/11/2024 của TKV về việc ban hành Kế hoạch PHKD năm 2025 của Tập đoàn các công ty TKV, cụ thể: Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của nhau để giúp nhau cùng phát triển, mở rộng thị trường, đạt hiệu quả chung cao nhất theo cơ chế thị trường và không làm tổn hại đến lợi ích của các bên tham gia.

- Báo cáo, xin ý kiến TKV bằng văn bản các vấn đề theo quy định tại Điểm a, khoản 1 Điều 11 Quy chế quản lý Người đại diện trước khi biểu quyết, quyết định tại HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

- Triển khai các văn bản của TKV đối với Người đại diện tại TMB kịp thời và đúng quy định.

- Về xây dựng, ban hành các quy chế: TMB đã ban hành “Quy định về tổ chức hoạt động kinh doanh than” và một số quy chế/quy định mới về các nhiệm vụ chuyên môn, đồng thời tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, của TKV phù hợp với điều kiện, đặc thù của Công ty.

3.2. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

* Các giải pháp điều hành đã triển khai thực hiện trong năm 2025:

- TMB đã thực hiện tốt công tác chuẩn bị chân hàng đáp ứng đủ cho nhu cầu pha trộn, đảm bảo khối lượng, chất lượng than pha trộn nhập khẩu theo đúng yêu cầu của TKV, nhập khẩu thành công một số lô than chất bốc thấp trong Quý I/2025 và Quý II/2025 để thay thế cho nguồn than Chùng loại 1 (tương đương than Lào) bị thiếu hụt nên không ảnh hưởng tới khối lượng, chất lượng nguồn than đưa vào pha trộn. ✓

- Hầu hết các hoạt động chế biến, pha trộn than của TMB đều thực hiện thuê ngoài. Do vậy, TMB đặc biệt chú trọng việc lựa chọn các nhà cung cấp có đủ năng lực, có uy tín để đảm bảo việc pha trộn, chế biến than được hiệu quả, đảm bảo chất lượng than sau pha trộn giao cho khách hàng.

- Các điểm pha trộn của TMB đều áp dụng công nghệ pha trộn đồng bộ theo yêu cầu của TKV. Than sau pha trộn phải được tập kết vào đống thành phẩm tại kho và được kiểm tra mẫu đống trước khi xuất tiêu thụ.

- Các đơn vị trực thuộc TMB được yêu cầu bám sát kế hoạch điều hành hàng tháng của TKV để xây dựng phương án pha trộn nhằm đảm bảo tỷ lệ than nhập khẩu vào pha trộn tương đương với kế hoạch. Trường hợp tháng trước thực hiện chưa đạt yêu cầu, tháng sau đơn vị xây dựng phương án pha trộn có cân đối khác phục tồn tại của tháng trước.

* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

Trong năm 2025, sản lượng huy động của các nhà máy nhiệt điện thường không ổn định và thay đổi so với kế hoạch đầu tháng; Mùa mưa kéo dài so với các năm, tổng lượng mưa lớn bất thường so với lịch sử, nhiều nhà máy giảm công suất phát điện, không nhận hết khối lượng than theo kế hoạch đăng ký, bốc dỡ hàng chậm...khiến than phải tồn lâu trên các phương tiện chờ dỡ hàng, gia tăng áp lực than tồn trên các hệ thống kho bãi,.. kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch TKV giao đầu năm, cụ thể:

- Than nhập khẩu: thực hiện 4,13 triệu tấn đạt 62% kế hoạch, do TMB thực hiện theo kế hoạch điều hành của TKV;

- Than tiêu thụ: thực hiện 13,85 triệu tấn đạt 89% kế hoạch, do các Nhà máy Nhiệt điện giảm công suất phát điện, giảm khối lượng nhận than so với kế hoạch đăng ký và TKV điều hành giảm kế hoạch tiêu thụ;

- Chỉ tiêu doanh thu: Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2025 của TMB là 30.178 tỷ đồng, bằng 72% kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do: (i) chỉ tiêu than nhập khẩu và than tiêu thụ đạt thấp hơn kế hoạch; (ii) trong năm 2025 TKV thay đổi giảm giá bán một số chủng loại than đưa vào pha trộn và giảm giá bán than sau pha trộn giao hộ điện so với giá than tại thời điểm giao kế hoạch đầu năm;

- Chỉ tiêu lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện cả năm 2025 đạt 121,47 tỷ đồng, bằng 93% kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do: (i) sản lượng than nhập khẩu, than tiêu thụ và doanh thu chỉ đạt từ 62% đến 89% kế hoạch; (ii) một số chi phí phát sinh so với hướng dẫn không được quyết toán trong giá mua bán than pha trộn;

- Chỉ tiêu tiền lương: Do chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch nên quỹ tiền lương TMB hạch toán vào chi phí trong năm 2025 theo đơn giá kế hoạch là 175,67 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch; tương ứng chỉ tiêu tiền lương bình quân chung toàn công ty là 23,73 triệu đồng/người-tháng, bằng 92% kế hoạch.

* Công tác quản lý tài nguyên, môi trường:

TMB luôn đảm bảo an toàn về môi trường trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh, tuân thủ các quy định của địa phương về bảo vệ môi trường đối với

SXKD than, các kho than gần khu vực dân sinh đều được che phủ và xử lý bụi, vận chuyển than theo đúng luồng tuyến cho phép, phương tiện vận chuyển được che phủ để tránh rơi than, phát tán bụi ra môi trường làm ô nhiễm môi trường. Năm 2025 TMB đã triển khai công tác trồng cây xanh, mua sắm bạt, lưới che than, thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh, duy trì tốt hệ thống phun sương dập bụi tại các kho than và khu vực pha trộn, chế biến than với tổng giá trị thực hiện trên 8,7 tỷ đồng. Điểm chấm theo tiêu chí Môi trường Xanh - Sạch - Đẹp của Công ty năm 2025 là: 93/100 điểm.

* Công tác chuyển đổi số:

Trong năm 2025, TMB tiếp tục triển khai và đẩy mạnh các nhiệm vụ chuyển đổi số theo định hướng chung của TKV. Công tác chuyển đổi số được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực quản lý, điều hành, kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực quản trị điều hành của Công ty.

* Công tác lao động, tiền lương:

- Công ty chỉ đạo thực hiện đầy đủ công tác quản lý lao động, biên chế, tiền lương và thu nhập theo đúng quy chế của TKV và TMB, đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu tiết giảm chi phí, tinh giản lao động, tăng năng suất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Toàn bộ chế độ, chính sách đối với người lao động được thực hiện đúng quy định. Công ty bảo đảm đầy đủ các quyền lợi về bảo hiểm, nghỉ phép, chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động... tạo sự yên tâm, gắn bó của người lao động.

- Công tác chi trả tiền lương, tiền thưởng được thực hiện kịp thời, đúng quy định, gắn với hiệu quả công việc. Vào các dịp lễ, Tết, Công ty đều bổ sung quỹ tiền lương phù hợp nhằm động viên người lao động, tạo khí thế thi đua và tinh thần làm việc tích cực. Ngoài ra, việc nâng bậc lương và chuyển xếp lương được thực hiện đúng quy chế, đảm bảo công bằng và tạo động lực cho người lao động nâng cao trình độ, kỹ năng nghề.

* Công tác An toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ (ATVSLĐ, PCCN):

Công ty luôn duy trì công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường trong trạng thái nghiêm túc. Các biện pháp an toàn được triển khai đồng bộ từ cơ quan điều hành đến các đơn vị. Nhờ vậy, trong năm 2025 Công ty không để xảy ra tai nạn lao động, không có sự cố cháy nổ hay thiệt hại về người và tài sản, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, ổn định và bền vững.

3.3. Tình hình kết quả hoạt động đầu tư xây dựng:

- Tổng giá trị ĐTXD của TMB thực hiện cả năm 2025 là 28,99 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch.

- Tình hình triển khai các dự án trọng điểm:

(i) Dự án Cảng thủy nội địa Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin để cung cấp than phục vụ nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện (Cảng Đông Hải):

- Tiến độ dự án: Hiện tại Ban quản lý khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên đang tổng hợp ý kiến và tiến hành thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

- Khó khăn, vướng mắc: Dự án Cảng thủy nội địa Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin để cung cấp than phục vụ nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện (Cảng Đông Hải): Theo Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụm cảng của dự án được phê duyệt với công suất 3.650.000 Tấn/năm, tuy nhiên để đảm bảo cung cấp than cho 02 Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 và Thái Bình 2, dự án đề xuất công suất cảng là 10.000.000 Tấn/năm (5.000.000 tấn hàng nhập, 5.000.000 tấn hàng xuất). Do vậy phải xem xét điều chỉnh Quy hoạch công suất cảng tại Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17/12/2024; Hiện nay chưa thống nhất được địa điểm xây dựng Kho chứa và phối trộn than.

(ii) Dự án Kho trung chuyển, chế biến và kinh doanh than Quảng Trị:

- Tiến độ dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 về việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000; Ban quản lý khu kinh tế đang tổng hợp ý kiến các Sở, ngành của tỉnh và UBND xã Mỹ Thủy, xã Vĩnh Định để phục vụ công tác thẩm định Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, giai đoạn 1; TMB đang phối hợp cùng đơn vị tư vấn để triển khai bước tiếp theo.

- Khó khăn, vướng mắc: Do quy trình thẩm định hồ sơ và thủ tục phải trải qua nhiều cấp quản lý khác nhau như các sở, ban, ngành liên quan và Bộ Xây dựng, nên TMB chưa thể chủ động kiểm soát tiến độ thực hiện các công việc của dự án. Việc phụ thuộc vào thời gian xử lý của các cơ quan chức năng đã ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch triển khai và tiến độ tổng thể của dự án.

3.4. Đánh giá về tồn tại, hạn chế và biện pháp khắc phục:

* Về tồn tại, hạn chế:

- Xu hướng chuyển dịch nguồn năng lượng sẽ dẫn đến giảm dần tỷ trọng sử dụng than trong cơ cấu nguồn năng lượng của nền kinh tế, làm giảm dần tính cạnh tranh của than so với các nguồn năng lượng mới khác.

- Nguồn cung than trong nước ngày càng hạn chế dẫn đến sự phụ thuộc nhiều hơn vào than nhập khẩu cho công tác pha trộn. Đồng thời hoạt động tự doanh than trong nước có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các nguồn than nhập khẩu.

- Những biến động về địa chính trị, nguy cơ chiến tranh thương mại... có thể gây nên những tác động lớn đối với nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam.

- Mạng lưới kinh doanh của TMB gồm nhiều chi nhánh trực thuộc tại các địa phương đã tồn tại từ giai đoạn trước đây, trong đó một số chi nhánh hiện đã hoạt động kém hiệu quả do lượng khách hàng sử dụng than tại địa phương không còn

nhiều, sản lượng bán thấp, khó đảm bảo chi phí hoạt động; kho bãi và các dịch vụ logistic, pha trộn, chế biến hầu hết là đi thuê nên còn manh mún, chưa đồng bộ, chưa phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn.

* Biện pháp khắc phục:

- Tiếp tục rà soát, đánh giá lại toàn bộ bộ máy hiện hữu, xác định định biên lao động theo mô hình chuẩn.

- Nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược để xây dựng phương hướng phát triển linh hoạt, tăng cường kỹ năng xử lý tình huống thích ứng với thực tế.

PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Nhận định tình hình:

TMB là đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong hoạt động chế biến kinh doanh than, có hệ thống kho bãi và mạng lưới khách hàng rộng lớn nên đáp ứng được với các nhiệm vụ TKV giao và thích nghi được sự thay đổi của thị trường.

2. Các chỉ tiêu điều hành năm 2026:

Trên cơ sở Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2026 và Thông báo kế hoạch đầu tư năm 2026 của TKV tại các văn bản số 7138/TKV-KH ngày 12/12/2025 và số 7220/TKV-ĐT ngày 15/12/2025, TMB xây dựng các chỉ tiêu điều hành năm 2026 như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Chỉ tiêu sản lượng		
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	5.500.000
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	15.013.000
	- Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện	Tấn	12.454.000
	- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm	Tấn	268.000
	- Than tự doanh	Tấn	761.000
	- Than nhập khẩu bán cho các đơn vị pha trộn	Tấn	1.530.000
2	Doanh thu tổng số:	Tr.đồng	33.075.097
2.1	Doanh thu than	"	32.998.097
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	70.000
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	7.000
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	Tr.đồng	31.581.425
3.1	Kinh doanh than	"	31.578.625
3.2	Kinh doanh khác	"	2.800
4	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	1.493.672
4.1	Kinh doanh than	"	1.419.472

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000
4.3	Kinh doanh khác	"	4.200
5	Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài	Tr.đồng	805.150
5.1	Kinh doanh than	"	805.150
5.2	Kinh doanh khác	"	0
6	Giá trị sản xuất tính lương (trừ chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài)	Tr.đồng	688.522
6.1	Kinh doanh than	"	614.322
6.2	Kinh doanh khác	"	74.200
7	Tổng chi phí SXKD trong kỳ:	Tr.đồng	1.357.189
7.1	Chi phí trung gian:		962.254
7.2	Chi phí tài chính:		178.771
7.3	Giá trị gia tăng (GDP):		216.164
	- Khấu hao tài sản	"	9.484
	- Tiền lương		179.210
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	"	176.627
	+ <i>Quỹ lương viên chức quản lý</i>	"	2.583
	- Bảo hiểm, thù lao HĐQT, BKS	"	16.670
	- Thuế (trong giá thành)	"	10.800
8	Tổng lợi nhuận:		136.483
9	Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương		
9.1	Đơn giá tiền lương: (đ/1.000đ GTSX không gồm thuê ngoài)	đ/1000đ	257
9.2	Lao động bình quân	Người	586
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>581</i>
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>5</i>
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	
	- <i>Tiền lương BQ chung toàn DN</i>	<i>đ/ng/th</i>	<i>25.478.000</i>
	- <i>Tiền lương BQ người lao động</i>	<i>đ/ng/th</i>	<i>25.327.000</i>
	- <i>Tiền lương BQ VCQL</i>	<i>đ/ng/th</i>	<i>43.054.000</i>
10	Nộp ngân sách:	Theo qui định hiện hành	
11	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	12.353
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL	≥ 10

*** Các giải pháp tổ chức thực hiện.**

- Thực hiện nghiêm các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về hoạt động kinh doanh than.

- Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức bộ máy cho phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện tại và các năm tiếp theo theo đề án đã báo cáo TKV.

- Tăng cường quản lý công tác pha trộn than để đảm bảo khối lượng, chất lượng than pha trộn giao lại TKV.

- Tiếp tục quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: quản trị tỷ giá, môi trường, an toàn tài sản, an toàn lao động, năng suất lao động...đẩy mạnh các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các khâu pha trộn, chế biến, tiêu thụ than.

- Triển khai công tác nhập khẩu than để đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu pha trộn, chế biến than theo đúng kế hoạch điều hành của TKV.

- Tăng cường công tác quản lý sử dụng kho than, rà soát và hoàn thiện đầy đủ thủ tục pháp lý về cảng, bến và các quy định có liên quan khác theo quy định của pháp luật và của TKV.

- Đẩy mạnh việc áp dụng chuyển đổi số, công nghệ số trong công tác quản trị và điều hành theo định hướng của Chính phủ, các Bộ, Ngành và TKV.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Trung

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH
VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Kính thưa: - Các quý vị cổ đông

Năm 2025, mặc dù gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp và nhu cầu tiêu thụ than giảm nhưng Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin vẫn đạt được kết quả sản xuất kinh doanh tích cực.

1. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh đã được Công ty kiểm toán xác nhận như sau:

- Báo cáo kiểm toán (Có báo cáo chi tiết kèm theo).
- Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2025 (Có báo cáo chi tiết kèm theo).
- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 (Có báo cáo chi tiết kèm theo).
- Báo cáo thuyết minh tài chính (Có báo cáo chi tiết kèm theo).

2. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025	121.472.014.165
II	Chi phí loại trừ không được tính vào chi phí tính thuế	81.382.192.335
1	Các khoản chi phí loại trừ	5.627.324.503
2	Chi phí tài chính vượt theo NĐ 68/NĐ – CP năm 2025	75.754.867.832
III	Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN năm 2025	202.854.206.500
IV	Thuế TNDN (20%)	40.570.841.300
	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2025	80.901.172.865
	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 chuyển sang	360.047.391.034
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN đến hết 2025	440.948.563.899
VI	Phân phối lợi nhuận	
1	Trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (28,42%)	42.630.000.000
	Trong đó: - Cổ phần nhà nước	28.749.672.000
	- Cổ phần phổ thông	13.880.328.000
2	Lợi nhuận còn lại năm 2025 phân phối tiếp	38.271.172.865
A	Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế 2025)	24.270.351.860
B	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo xếp loại C (1 tháng lương thực hiện)	14.000.821.005



	- Quỹ khen thưởng 50%	7.000.410.503
	- Quỹ phúc lợi 50%	7.000.410.502
C	Trích thưởng quỹ viên chức quản lý (không trích)	-
D	Lợi nhuận còn lại năm 2025 chưa phân phối	-
E	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	360.047.391.034

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- VP-TH (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đạo



Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS
và Thư ký Công ty năm 2025, Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích
khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026

Kính thưa: - Các quý vị cổ đông

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin ngày 28 tháng 4 năm 2025, mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025 tính theo bảng sau:

1. Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2025:

Tổng số tiền thù lao của thành viên kiêm nhiệm HĐQT, thành viên kiêm nhiệm BKS, Thư ký Công ty và phụ cấp của thành viên HĐQT độc lập được chi trả cả năm 2025 là 639.840.000 đồng, trong đó đã tạm chi (80%) là 511.872.000 đồng, còn lại 127.968.000 đồng sẽ chi tiếp trong năm 2026 sau khi được Đại Hội cổ đông thông qua, chi tiết như sau:

TT	Chức danh	Số người	Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty
1	Chủ tịch HĐQT (thời gian làm việc 12 tháng)	01	5.140.000 đồng/tháng x 12 tháng = 61.680.000 đồng
2	Thành viên HĐQT (thời gian làm việc 12 tháng)	03	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng x 03 người = 157.680.000 đồng
3	Thành viên HĐQT độc lập (thời gian làm việc 12 tháng)	01	21.900.000 đồng/tháng x 12 tháng = 262.800.000 đồng
4	Trưởng Ban kiểm soát (hoạt động chuyên trách)	01	(Hưởng lương chuyên trách theo hướng dẫn tại Quyết định số 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 và từ Quỹ lương viên chức quản lý của Công ty)
5	Thành viên BKS (thời gian làm việc 12 tháng)	02	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng x 02 người = 105.120.000 đồng
6	Thư ký Công ty (thời gian làm việc 12 tháng)	01	4.380.000 đồng/tháng x 12 tháng = 52.560.000 đồng



2. Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026:

Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2026 dự kiến là 639.840.000 đồng, cụ thể:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng
2	Thành viên HĐQT	03 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
3	Thành viên HĐQT độc lập	01 người	21.900.000 đồng/tháng (Hưởng phụ cấp theo QĐ 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021)
4	Trưởng Ban kiểm soát	01 người	(Hưởng lương chuyên trách theo hướng dẫn tại Quyết định số 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 và từ Quỹ lương viên chức quản lý của Công ty), không có thù lao
5	Thành viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng
6	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- VP-TH (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Đạo

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC – VINACOMIN NĂM 2025**

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin nhiệm kỳ IV (2022–2027) gồm 05 thành viên đã tổ chức hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, quyết định và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên nhằm bảo đảm hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025:

1.1 Thuận lợi, khó khăn:

Năm 2025 là năm có nhiều biến động phức tạp về thời tiết so với các năm, mưa nhiều, lượng mua lớn nên các nhà máy nhiệt điện đều giảm công suất phát điện, giảm khối lượng nhận than so với kế hoạch ban đầu dẫn đến khó khăn trong công tác tiêu thụ, gia tăng áp lực than tồn kho đối với TKV nói chung và TMB nói riêng. Được sự quan tâm chỉ đạo của TKV, TMB đã sớm tổ chức triển khai các nhiệm vụ kế hoạch PHKD năm 2025 ngay từ những ngày đầu quý 1 để cung cấp kịp thời cho các nhà máy nhiệt điện theo kế hoạch tiêu thụ hàng tháng của TKV.

- TMB đã thực hiện tốt công tác chuẩn bị chân hàng đáp ứng đủ cho nhu cầu pha trộn, đảm bảo khối lượng, chất lượng than pha trộn nhập khẩu theo đúng yêu cầu của TKV, nhập khẩu thành công một số lô than chất bốc thấp trong quý I/2025 và Quý II/2025 để thay thế cho nguồn than chủng loại 1 (tương đương than Lào) bị thiếu hụt nên không ảnh hưởng tới khối lượng, chất lượng nguồn than đưa vào pha trộn.

- Hầu hết, các hoạt động chế biến, pha trộn than của TMB đều thực hiện thuê ngoài. Do vậy, TMB đặc biệt chú trọng việc lựa chọn các nhà cung cấp có đủ

năng lực, có uy tín để đảm bảo việc pha trộn, chế biến than được hiệu quả, đảm bảo chất lượng than sau pha trộn giao cho khách hàng.

- Các điểm pha trộn của TMB đều áp dụng công nghệ pha trộn đồng bộ theo yêu cầu của TKV. Than sau pha trộn phải được tập kết vào đồng thành phẩm tại kho và được kiểm tra mẫu đồng trước khi xuất tiêu thụ.

- Các đơn vị trực thuộc TMB được yêu cầu bám sát kế hoạch điều hành hàng tháng của TKV, TMB để xây dựng phương án pha trộn nhằm đảm bảo tỷ lệ than nhập khẩu vào pha trộn tương đương với kế hoạch. Trường hợp tháng trước thực hiện chưa đạt yêu cầu, tháng sau đơn vị xây dựng phương án pha trộn có cân đối khắc phục tồn tại của tháng trước.

1.2 Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2025 cụ thể như sau:

* Công tác hoạt động sản xuất kinh doanh:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH (%)
1	Chỉ tiêu sản lượng				
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	6.700.000	4.130.926	62%
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	15.591.000	13.855.020	89%
	- Than pha trộn giao TKV bán hộ Điện	Tấn	12.781.000	11.827.907	
	- Than giao lại TKV bán hộ Đạm, khác	Tấn	250.000	227.011	
	- Than tự doanh	Tấn	1.000.000	983.133	
	- Than nhập khẩu bán các cho đơn vị pha trộn	Tấn	1.560.000	816.969	
2	Doanh thu tổng số:	Tr.đồng	42.192.653	30.187.224	72%
2.1	Doanh thu than	"	42.115.863	30.109.963	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	70.000	57.244	
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	6.790	20.016	
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	Tr.đồng	40.745.476	28.923.358	71%
3.1	Kinh doanh than	"	40.742.886	28.917.715	
3.2	Kinh doanh khác	"	2.590	5.642	
4	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	1.447.177	1.263.866	87%
4.1	Kinh doanh than	"	1.372.977	1.205.803	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000	57.244	
4.3	Kinh doanh khác	"	4.200	819	
5	Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài	Tr.đồng	823.885	691.153	84%
5.1	Kinh doanh than	"	819.885	691.153	
5.2	Kinh doanh khác	"	4.000		
6	Giá trị sản xuất tính lương (trừ chi phí V/chuyên, bốc xếp bán hàng thuê ngoài)	Tr.đồng	623.092	572.713	92%

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH (%)
6.1	Kinh doanh than	"	553.092	514.650	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	70.000	58.063	
7	Tổng chi phí SXKD trong kỳ:	Tr.đồng	1.317.177	1.142.394	87%
7.1	Chi phí trung gian:		1.103.542	932.334	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, BX bán thuê ngoài:</i>		823.885	691.153	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):		213.635	210.060	
	- Khấu hao tài sản	"	6.303	7.875	
	- Tiền lương		191.632	175.672	
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	"	188.432	172.949	
	+ <i>Quỹ lương viên chức quản lý</i>	"	3.200	2.723	
	- Bảo hiểm, thù lao HĐQT, BKS	"	10.700	16.605	
	- Thuế (trong giá thành)	"	5.000	9.909	
8	Lợi nhuận:	Tr.đồng	130.000	121.472	93%
9	Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương	Tr.đồng			
9.1	Đơn giá tiền lương: (đồng/1.000đ GTSX thuần)	đ/1000đ	302	302	100%
9.2	Lao động bình quân	Người	617	617	100%
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	<i>611</i>	<i>611</i>	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th			
	- <i>Tiền lương BQ chung toàn DN</i>	<i>đ/ng/th</i>	<i>25.882.000</i>	<i>23.727.000</i>	<i>92%</i>
	- <i>Tiền lương BQ người lao động</i>	<i>đ/ng/th</i>	<i>25.700.000</i>	<i>23.588.224</i>	<i>92%</i>
	- <i>Tiền lương BQ VCQL</i>	<i>đ/ng/th</i>	<i>44.444.000</i>	<i>37.819.444</i>	<i>85%</i>
10	Nộp ngân sách:	Tr.đồng	Theo QĐ	1.502.404	
11	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	28.989	28.989	100%
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL	≥ 20	≥ 20	100%

* Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản:

Tổng giá trị thực hiện đầu tư xây dựng năm 2025 đạt 28.989 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch được giao.

Về việc triển khai các dự án đầu tư lớn:

(1) Dự án Cảng thủy nội địa Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin (Cảng Đông Hải)

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.197.763.284.000 đồng.

- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu của Công ty và vốn vay ngân hàng thương mại.

Tình hình triển khai:

- Vị trí và quy mô dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 và Quyết định 1463/QĐ-TTg ngày 25/11/2024.

- Theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khu vực dự án nằm ngoài đê biển nên chỉ được xây dựng cảng và đường nội bộ, không được bố trí các hạng mục kho chứa, sàng tuyển, pha trộn than.

- Công ty đã hoàn thiện hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư và nộp trên Công Dịch vụ công Quốc gia ngày 17/9/2025.

- Ngày 13/11/2025, Công ty tham dự cuộc họp với Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan liên quan để giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

(2) Dự án Kho trung chuyển, chế biến và kinh doanh than Quảng Trị

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 546 tỷ đồng.

- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu của Công ty và vốn vay ngân hàng thương mại.

Tình hình triển khai:

- TMB đã gửi hồ sơ đề xuất dự án tới UBND tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế từ 28/3/2025 và được các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, hướng dẫn qua nhiều cuộc họp trong năm 2025.

- UBND tỉnh Quảng Trị đã thống nhất chủ trương điều chỉnh cục bộ quy hoạch để bố trí dự án tại khu vực Trung tâm Nhiệt điện thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Ngày 21/11/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định 2745/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; ngày 12/12/2025 Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000.

- TMB đã phê duyệt đề cương dự toán một số công việc trong công tác chuẩn bị đầu tư Dự án tại Quyết định số 2882/QĐ-TMB ngày 15/12/2025.

- TMB đã đề xuất vị trí, diện tích và phương án bố trí mặt bằng dự án; đồng thời trình TKV xem xét chủ trương đầu tư tại Tờ trình số 2975/TTr-TMB ngày 25/12/2025.

- Hiện nay Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện phương án tổng mặt bằng và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư để trình thẩm định theo quy định.

2. Tổng kết các hoạt động của HĐQT:

Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu, định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua; tập trung tăng cường công tác quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ trên các lĩnh vực hoạt động. Công tác điều hành được thực hiện linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn, góp phần duy trì sự ổn định và đồng bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng, định hướng hoạt động của Công ty, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Các cuộc họp được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm đầy đủ thành phần tham dự và thực hiện biểu quyết theo quy định. Tùy theo nội dung, một số cuộc họp có sự tham dự của Trưởng Ban Kiểm soát để tăng cường công tác giám sát.

Ngày 24/11/2025, Hội đồng quản trị đã bầu ông Trần Đạo giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, bảo đảm sự kế thừa, ổn định trong công tác lãnh đạo, điều hành và tiếp tục triển khai hiệu quả các định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 65 nghị quyết, quyết định để chỉ đạo, điều hành và giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị Công ty theo quy định.

3. Công tác giám sát hoạt động của HĐQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành:

- HĐQT Công ty có 2/5 thành viên tham gia điều hành trong Công ty bao gồm các thành viên HĐQT là Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không điều hành được thực hiện thường xuyên, đầy đủ phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT với Ban giám đốc.

- HĐQT luôn theo dõi sát hoạt động của Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành, tiếp thu và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và Bộ máy điều hành.

- Qua quá trình giám sát, HĐQT nhất trí với báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ và các giải pháp điều hành phát triển SXKD năm 2026 của Ban lãnh đạo Công ty; ghi nhận những cố gắng của Ban giám đốc và Bộ máy điều hành đã nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quy định của pháp luật. Ban giám đốc đã đoàn kết, chủ động kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh linh hoạt trong điều hành kế hoạch SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, đảm bảo phát triển SXKD, tăng lợi nhuận, ổn định việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026:

1. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về tình hình quản trị Công ty và các báo cáo theo quy định tại Thông tư

96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

2. Báo cáo Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo Quy chế quản lý Người đại diện của TKV tại các doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 1809/QĐ-TKV ngày 26/9/2024 của Chủ tịch HĐQT TKV.

3. Phê duyệt Kế hoạch SXKD, Kế hoạch ĐTXD và Quyết định ban hành các quy chế theo thẩm quyền (nếu có) để làm cơ sở thực hiện.

4. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

5. Hằng quý: Họp HĐQT tối thiểu 01 lần để đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD, Kế hoạch ĐTXD quý trước; Thông qua nội dung Kế hoạch SXKD, Kế hoạch ĐTXD quý sau và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT khi thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty.

6. Tổ chức đi hiện trường; Làm việc với một số Chi nhánh trực thuộc Công ty và các Phòng nghiệp vụ, Phân xưởng/Trạm thuộc bộ máy điều hành Công ty về những nội dung HĐQT quan tâm.

7. Báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền.

8. Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

9. Giải quyết các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

III. ĐỀ NGHỊ CỦA HĐQT TRƯỚC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 cho ý kiến, thông qua về những vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty năm 2025 và Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;

- Thông qua mức chi trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông là >20% vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025.

- Thông qua mức chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026.

- Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026 theo đề xuất của Ban Kiểm soát.

- Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Tờ trình thông qua ký kết hợp đồng, giao dịch với cổ đông lớn và người có liên quan.

- Tờ trình thông qua việc giao cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2026 và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, môi trường kinh doanh và quá trình triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng.

Hội đồng quản trị trân trọng ghi nhận và cảm ơn những đóng góp quý báu của các cổ đông và người lao động trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty. Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường quản trị doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí, đảm bảo an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường; đồng thời từng bước cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, phấn đấu đưa Công ty phát triển ổn định và bền vững.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đạo

Ban Kiểm soát
Số: 666/BC-BKS

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
KẾ HOẠCH KIỂM TRA, KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT NĂM 2026
TRƯỚC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KD THAN MIỀN BẮC -
VINACOMIN NĂM 2026

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Kính thưa quý vị đại biểu!

Thực hiện Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 170 Luật doanh nghiệp (Luật số 59/2020/QH14) và Điều 39 Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin;

Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-TKV ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam V/v ban hành Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ vào kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin thông qua, kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2025 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV) với Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin (Công ty) và các kế hoạch điều chỉnh;

Căn cứ vào các nghị quyết 12 tháng năm 2025 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty;

Căn cứ kế hoạch kiểm tra, kiểm soát, giám sát năm 2025 của Ban Kiểm soát Công ty.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2025. Công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Công ty trong việc quản lý, điều hành Công ty năm 2025. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát, giám sát năm 2026 trước ĐHĐCĐ năm 2026 như sau:

I. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát, giám sát HĐQT Công ty, Ban lãnh đạo điều hành Công ty trong tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh năm 2025

Hàng tháng Ban Kiểm soát làm việc tại Công ty, đã thực hiện công tác giám sát HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Công ty thông qua các cuộc dự họp và các văn bản, nghị quyết. Ban kiểm soát đánh giá việc chấp hành và thực hiện các quy chế, quy định, quyết định, kỷ luật điều hành của TKV tại Công ty trên cơ sở các Nghị quyết, Quyết định và Văn bản của HĐQT và Ban lãnh đạo điều hành ban hành tại đơn vị.

1. Về kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty:

1. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý;

2. Công tác chuẩn bị tổ chức và tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên, đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin.

3. HĐQT đã tổ chức họp đề thông qua các vấn đề cơ bản, định hướng cho hoạt động của Công ty, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh; 12 tháng năm 2025 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp và ban hành 65 nghị quyết, trong đó về công tác tổ chức sản xuất kinh doanh, công tác tài chính: 14 nghị quyết, công tác đầu tư xây dựng: 9 nghị quyết, công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương: 31 nghị quyết và về các lĩnh vực khác: 11 nghị quyết; cụ thể như sau:

**DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC -VINACOMIN**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Stt	Nội dung	Ngày họp	Ghi chú
I	Tổ chức SXKD, Tài chính		
1	Thông qua Nghị quyết triệu tập họp ĐH đồng cổ đông năm 2025	10/03/2025 (08h30)	01 buổi
2	Thông qua Nghị quyết về việc phê duyệt trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	18/03/2025 (08h30)	01 buổi
3	Biên bản họp HĐQT về việc phê duyệt phương pháp trích lập và số tiền trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2024	31/03/2025 (9h30)	01 buổi
4	Biên bản họp HĐQT về dự kiến KQSXKD Q1, xây dựng kế hoạch Quý 2.2025	01/04/2025 (08h30)	01 buổi
5	Biên bản họp HĐQT về việc thảo luận thông qua tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	23/04/2025 (14h00)	01 buổi
6	Biên bản họp HĐQT về thanh toán thưởng cho Chủ tịch công đoàn chuyên trách 2024	26/05/2025 (09h00)	01 buổi
7	Quyết định của HĐQT về việc thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024	04/06/2025 (8h30)	01 buổi
8	Biên bản họp HĐQT về việc đánh giá hoạt động, dự kiến kết quả thực hiện SXKD quý II năm 2025	03/07/2025 (08h30)	01 buổi
9	Biên bản họp HĐQT về việc thông qua phương án thanh lý, nhượng bán than còn nằm trên tàu Công Thành 07 bị chìm tại vùng biển Hà Tĩnh	05/8/2025 (08h30)	01 buổi
10	Biên bản họp HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức chương trình tham quan du lịch nước ngoài 2025 cho CBCNV của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin.	08/8/2025 (9h30)	01 buổi
11	Biên bản họp HĐQT về việc đánh giá hoạt động, dự kiến kết quả thực hiện SXKD quý III năm 2025; xây dựng quý IV năm 2025	30/9/2025 (08h30)	01 buổi
12	Thông qua việc triệu tập tổ chức đại hội cổ đông bất thường năm 2025 để miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT theo đề nghị của TKV	07/10/2025 (9h30)	01 buổi

13	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026.	30/12/2025 (9h30)	01 buổi
14	Thông qua việc đánh giá hoạt động SXKD quý IV và năm 2025; Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu tạm giao kế hoạch SXKD năm 2026 và Xây dựng kế hoạch SXKD quý I năm 2026	31/12/2025 (8h00)	01 buổi
II	Đầu tư, xây dựng		
1	Thông qua Nghị quyết của HĐQT về việc điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	14/02/2025 (10h00)	01 buổi
2	Quyết định về việc nhận bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng	02/04/2025 (10h00)	01 buổi
3	Biên bản họp HĐQT về việc triển khai công văn số 3456/TKV-ĐT ngày 13/06/2025 về việc "Thông báo điều chỉnh chuyển bước đầu tư năm 2025"	16/06/2025 (9h30)	01 buổi
4	Biên bản họp HĐQT về việc thông qua chủ trương gia hạn Quyền sử dụng đất của khu đất tại số 75 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa	08/7/2025 (10h00)	01 buổi
5	Biên bản họp HĐQT về việc ban hành quy chế quản lý công tác đầu tư và xây dựng của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	21/7/2025 (10h00)	01 buổi
6	Biên bản họp HĐQT về việc xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	04/8/2025 (9h30)	01 buổi
7	Thông qua việc cập nhật, hiệu chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2026 sau rà soát	28/10/2025 (9h30)	01 buổi
8	Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2025	17/11/2025 (8h30)	01 buổi
9	Thông qua việc phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2026.	26/12/2025 (10h00)	01 buổi
III	Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương		
1	Thông qua việc phát quà bằng tiền cho các đại biểu dự Hội nghị tổng kết công tác năm 2024, triển khai nhiệm vụ 2025	06/01/2025 (08h30)	01 buổi
2	Thông qua việc tạm trích quỹ lương hạch toán vào chi phí năm 2024 của C.ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	15/01/2025 (14h00)	01 buổi
3	Thông qua việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	12/02/2025 (14h30)	01 buổi
4	Thông qua việc xem xét, cho ý kiến về việc sáp nhập Công ty KD than Vĩnh Phú vào Công ty KD than Hà Nội trực thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	14/02/2025 (09h00)	01 buổi
5	Thông qua việc xem xét, cho ý kiến về công tác cán bộ tại Công ty kinh doanh than Vĩnh Phú sau khi sáp nhập vào Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	14/02/2025 (14h00)	01 buổi
6	Thông qua việc xem xét, cho ý kiến về việc giao quyền giám đốc chi nhánh công ty tại Quảng Ninh	21/02/2025 (14h30)	01 buổi
7	Biên bản họp HĐQT về việc thành lập Trạm kinh doanh than Phú Thọ trực thuộc Công ty kinh doanh than Hà Nội	25/02/2025 (16h00)	01 buổi
8	Họp HĐQT về việc đồng ý Ông Ngô Quang Trung đi công tác tại Lào	28/02/2025 (17h05)	01 buổi
9	Họp HĐQT về việc thông báo các	10/03/2025	01 buổi

	chi tiêu chủ yếu Định hướng kế hoạch 05 năm 2026 - 2030	(9h30)	
10	Họp HĐQT về phê duyệt khám chữa bệnh 2025	20/03/2025 (09h00)	01 buổi
11	Họp HĐQT về việc ban hành quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	24/03/2025 (15h)	01 buổi
12	Họp HĐQT về việc phê duyệt quỹ tiền lương hạch toán vào chi phí năm 2024 của C.ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	25/03/2025 (09h30)	01 buổi
13	Họp HĐQT về quyết toán thù lao với HĐQT, BKS, Thư ký và Chủ tịch công đoàn chuyên trách công ty.	25/03/2025 (08h)	01 buổi
14	Biên bản họp HĐQT về việc cho ông Ngô Quang Trung và Phạm Ngọc Bảo đi tham quan, du lịch nước ngoài	21/04/2025 (08h30)	01 buổi
15	Biên bản họp HĐQT về việc cho thôi chức vụ kế toán trưởng công ty và giao nhiệm vụ phụ trách phòng TCKT cho cán bộ	28/04/2025 (08h30)	01 buổi
16	Biên bản họp HĐQT về việc cho ông Ngô Quang Trung và Phạm Ngọc Bảo đi công tác tại Nam Phi	29/04/2025 (14h00)	01 buổi
17	Biên bản họp HĐQT về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại tổ chức chuyển từ đơn vị 02 cấp thành đơn vị 01 cấp của C.ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	13/05/2025 (14h30)	01 buổi
18	Biên bản họp HĐQT về việc bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty kinh doanh than Hà Nội	19/05/2025 (09h00)	01 buổi
19	Biên bản họp HĐQT về việc bổ nhiệm giám đốc công ty kinh doanh than Hà Bắc	28/5/2025 (14h00)	01 buổi
20	Biên bản họp HĐQT về việc phê duyệt phương án sắp xếp tổ chức, định biên lao động của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	18/06/2025 (14h30)	01 buổi
21	Biên bản họp HĐQT về việc đồng ý cho Ông Ngô Quang Trung đi công tác tại Đức	20/06/2025 (16h00)	01 buổi
22	Biên bản họp HĐQT về việc ban hành quy chế về tổ chức; hoạt động pháp chế trong Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	29/7/2025 (08h30)	01 buổi
23	Thông qua việc thay đổi mã số kinh doanh (chưa có tờ trình của TGD nên chưa có cơ sở họp HĐQT)	25/12/2025 (10h00)	01 buổi
24	Thông qua việc bầu ông Trần Đạo là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2022 - 2027)	24/11/2025 (9h30)	01 buổi
25	Thông qua việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty	26/11/2025 (8h30)	01 buổi
26	Thông qua việc tặng quà cho các đại biểu tham dự hội nghị tổng kết SXKD năm 2025 và Hội nghị người lao động năm 2026	25/11/2025 (10h00)	01 buổi
27	Thông qua việc thành lập Trạm kinh doanh than Miền Nam trực thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	11/12/2025 (10h00)	01 buổi
28	Thông qua đề cương dự toán một số công việc trong công tác chuẩn bị dự án: Kho trung chuyển, chế biến và kinh doanh than Quảng Trị	16/12/2025 (8h00)	01 buổi
29	Thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc ký kết các Hợp đồng phục vụ cho hoạt động SXKD phát sinh trong năm 2026	18/12/2025 (9h30)	01 buổi
30	Thông qua việc tổ chức sắp xếp lại các đơn vị cấp 2 trực thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin.	22/12/2025 (10h00)	01 buổi

31	Thông qua quy chế hoạt động của Công ty Bắc Trung Bộ - CN Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	30/12/2025 (9h30)	01 buổi
IV	Lĩnh vực khác		
1	Biên bản họp HĐQT về việc hỗ trợ kinh phí cho các gia đình khó khăn nhân dịp tết Ất Ty 2025 tại phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	10/01/2025 (8h30)	01 buổi
2	Biên bản họp HĐQT về việc ủng hộ kinh phí hoạt động của các CLB hưu trí cung ứng than VN, CLB hưu trí cơ quan Công ty và thăm hỏi cán bộ hưu trí nguyên là cán bộ viên chức thuộc Tổng công ty cung ứng than.	16/01/2025 (10h00)	01 buổi
3	Thông qua việc hỗ trợ kinh phí xây dựng cho 20 ngôi nhà cho các hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ và hộ nghèo, hộ cận nghèo đang ở nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2025	23/01/2025 (13h05)	01 buổi
4	Họp HĐQT về phê duyệt chương trình ngày 08/03	03/03/2025 (16h05)	01 buổi
5	Họp HĐQT V/v phê duyệt danh sách VĐV tham gia giải các môn thể thao dân tộc	12/03/2025 (10h00)	01 buổi
6	Họp HĐQT về việc phê duyệt tổ chức giải Pickleball trong công ty TMB năm 2025	17/03/2025 (14h00)	01 buổi
7	Họp HĐQT về việc cho ý kiến về việc tặng quà cho Đại biểu và CBCNV nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin	19/03/2025 (14h00)	01 buổi
8	Biên bản họp HĐQT về việc chỉ đạo triển khai thực hiện chỉ thị số 93/CT - TKV ngày 05/03/2025 và Chỉ thị số 110/CT-TKV ngày 14/03/2025 của HĐTV	25/03/2025 (14h00)	01 buổi
9	Biên bản họp HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch đóng góp kinh phí Hội nghị KHKT mở toàn quốc năm 2025	06/8/2025 (8h30)	01 buổi
10	Biên bản họp HĐQT về việc phê duyệt tổ chức chương trình ngày phụ nữ Việt Nam 20/10/2025	18/9/2025 (10h00)	01 buổi
11	Thông qua việc hỗ trợ các gia đình CBCNV thiệt hại về tài sản do hậu quả của bão số 10 (Bualoi) và số 11 (Matmo) gây ra	09/10/2025 (9h00)	01 buổi

2. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Tổng Giám đốc, Ban lãnh đạo điều hành Công ty trong các lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty:

1. Công ty đã tổ chức thực hiện các quy định, chỉ đạo của TKV về kinh doanh than năm 2025, các nghị quyết năm 2025 của HĐQT Công ty.

2. Tổ chức thực hiện giao nhận than hộ lớn, đối chiếu công nợ và thanh toán đúng chỉ đạo của TKV và hợp đồng với khách hàng.

3. Duy trì tổ chức công tác quản lý giá bán than Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện xây dựng giá bán cho khách hàng, đảm bảo tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình kinh doanh theo đúng các quy định của TKV.

4. Công ty và các đơn vị trực thuộc duy trì tốt công tác kế toán, báo cáo tài chính, thống kê, quyết toán chi phí với TKV đúng quy định, kịp thời, tiếp tục thực hiện tốt công tác thanh toán đối với TKV.

5. Duy trì tốt công tác an toàn lao động, triển khai áp dụng đúng quy định các biện pháp an toàn, bảo hộ lao động.

II. Hoạt động và kinh phí của Ban kiểm soát năm 2025:

1. Kinh phí của Ban kiểm soát năm 2025:

- Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên trong đó có 01 Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, 02 ủy viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm.

- Công ty đã thực hiện chi trả lương thu nhập cho Trưởng Ban kiểm soát năm 2025 theo đúng quy định.

- Công ty đã thực hiện chi trả phụ cấp cho hai ủy viên Ban kiểm soát Công ty năm 2025 theo đúng quy định.

- Các chi phí của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí của Công ty theo đúng quy định.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025:

- Hoạt động của Ban kiểm soát căn cứ vào kế hoạch năm để triển khai, đầu năm 2025 Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và thực hiện hoàn thành tốt chương trình kiểm tra giám sát đã đề ra.

- Hàng tháng Ban Kiểm soát làm việc tại Công ty, đã thực hiện công tác giám sát công tác điều hành của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành Công ty thông qua các cuộc dự họp và các văn bản, nghị quyết. Kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty, văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm Ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính của Công ty, lập biên bản kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành về các mặt như văn bản quy chế quy định, thực hiện kế hoạch SXKD, công tác tài chính kế toán, lao động tiền lương, đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát các đơn vị trực thuộc, do địa bàn hoạt động của Công ty trải dài các tỉnh phía nên các nội dung kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát thường được lồng ghép các nội dung chuyên đề; phối hợp kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán. Các cuộc kiểm tra, kiểm soát, giám sát, tập trung vào các nội dung như:

+ Xem xét báo cáo tài chính, kiểm tra chọn mẫu chứng từ mua, bán than, chứng từ thanh toán, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, phân tích tuổi nợ công nợ phải thu, phân tích thời gian tồn kho của các chủng loại của các kho trạm cửa hàng;

+ Kiểm tra chọn mẫu hồ sơ pha trộn chế biến than, kiểm tra chọn mẫu hồ sơ đấu thầu, kiểm tra các hồ sơ đầu tư xây dựng cơ bản, kiểm tra chọn mẫu các hợp đồng kinh tế và việc thực hiện hợp đồng;

+ Kiểm tra chọn mẫu các sổ sách chứng từ tại các trạm.

+ Kiểm tra chọn mẫu hồ sơ tuyển dụng, quản lý lao động, thực hiện quy chế tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động;

Từ đó Ban kiểm soát đã đưa ra những kiến nghị cụ thể đối với Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Ban kiểm soát đã thực hiện tốt công tác giám sát Công ty Kiểm toán độc lập về việc kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 tại các đơn vị trực thuộc và văn phòng Công ty.

- Ban kiểm soát đã thực hiện tốt công tác giám sát Công ty kiểm toán độc lập, Công ty CPKD than Miền Bắc – Vinacomin và các đơn vị trực thuộc về công tác kiểm kê quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2025.

- Thực hiện tốt các báo cáo theo đúng nội dung, thời gian quy định của TKV. Thực hiện tốt việc thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, các báo cáo phục vụ Đại hội đồng cổ đông.

- Trong qua trình kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đã luôn luôn nhắc nhở các đơn vị trực thuộc, các trạm, cửa hàng giám sát chặt chẽ, nắm bắt thông tin của khách hàng một cách chính xác nhất để chủ động trong việc mua bán than, tránh tình trạng để khách hàng nợ xấu, chiếm dụng vốn. Cũng như nhắc nhở các đơn vị trực thuộc, các Trạm, cửa hàng sản xuất kinh doanh (SXKD) an toàn lao động, bảo vệ môi trường, có các biện pháp quản lý kho than, phòng chống cháy nổ, không để xảy ra tai nạn lao động và các sự cố về môi trường, phòng chống bão lụt không để xảy ra tình trạng trôi than, đảm bảo tuyệt đối cho người và trang thiết bị của đơn vị. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát Công ty đã nêu những ý kiến về kiến nghị, cảnh báo rủi ro trong công tác quản lý Công ty cho Hội đồng quản trị công ty, Ban Lãnh đạo điều hành công ty, các đơn vị trực thuộc, từ đó góp phần vào công tác quản lý, công tác SXKD của Công ty.

- Trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã được Ban lãnh đạo điều hành Công ty, các đơn vị trực thuộc tạo điều kiện giúp đỡ.

- Năm 2025, Ban Kiểm soát thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bám sát vào kế hoạch đề ra, kiểm tra phát hiện các sai sót, nhằm rút kinh nghiệm kịp thời, từ đó góp phần hoàn thiện, khắc phục trong những tháng tiếp theo. Thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch kiểm tra, kiểm soát đã đề ra. Phối kết hợp với Ban lãnh đạo điều hành Công ty, các phòng nghiệp vụ Công ty, Kiểm toán nội bộ Công ty và Công ty kiểm toán độc lập trong công tác kiểm tra, kiểm soát Công ty và các đơn vị trực thuộc. Hết năm 2025 Công ty bảo toàn và phát triển được vốn, không có phát sinh công nợ khó đòi, đời sống cán bộ công nhân viên được ổn định. Năm 2025 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trước các Cổ đông.

III. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát, giám sát năm 2026

- Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm soát, giám sát năm 2026, các nội dung kiểm tra giám sát tập trung vào các lĩnh vực giám sát HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT, thực hiện các quy định của TKV. Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, công nợ phải thu phải trả, tuổi nợ hàng tồn kho và quản lý kho hàng, sổ sách chứng từ kế toán, hồ sơ chứng từ mua bán chế biến than, hồ sơ đầu thầu dịch vụ thuê ngoài, thu nhập người lao động, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh kiểm tra tại Công ty và các đơn vị trực thuộc, các trạm cửa hàng.

- Thẩm định báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Giám sát Công ty, các đơn vị trực thuộc, Công ty kiểm toán độc lập, về công tác kiểm kê quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2026.

- Giám sát Công ty kiểm toán độc lập về kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2026 của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

- Lập báo cáo hoạt động kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát, báo cáo giám sát Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và các báo cáo khác theo đúng nội dung, thời gian quy định của TKV.

- Thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo đúng quy định, yêu cầu của TKV, các cổ đông của Công ty.

- Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm phân bổ thời gian hợp lý để đảm bảo tiến độ và chất lượng kiểm soát báo cáo, dành thời gian nghiên cứu các chính sách chế độ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đề nghị các phòng nghiệp vụ tạo điều kiện về thời gian, phân công công việc hợp lý cho các thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm để các thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm có thời gian thực hiện nhiệm vụ thành viên Ban Kiểm soát theo luật doanh nghiệp hiện hành, thực hiện kiểm tra, kiểm soát, giám sát, lập báo cáo, để đảm bảo báo cáo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng đúng yêu cầu, đúng quy định.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025. Công tác giám sát hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành trong quản lý điều hành Công ty năm 2025. Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát, giám sát năm 2026 của Ban kiểm soát Công ty như trên.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Công ty thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (Báo cáo);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban lãnh đạo điều hành;
- Các thành viên BKS;
- Lưu văn thư, thư ký Cty.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

[Signature]
Đặng Thị Hải Hà

Số: 676/BC-BKS

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO
THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025
TRƯỚC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CPKD THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN NĂM 2026

Kính thưa các quý vị cổ đông!

Kính thưa quý vị đại biểu!

Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin;

Căn cứ vào kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin thông qua, kế hoạch phối hợp kinh doanh và các kế hoạch điều chỉnh năm 2025 giữa Tập đoàn công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) với Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin (TMB);

Căn cứ vào các nghị quyết 12 tháng năm 2025 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính 12 tháng năm 2025 của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.

Ban kiểm soát không tham gia giám sát đầu thầu công tác đầu tư xây dựng cơ bản (công tác ĐTXDCB), không tham gia giám sát kiểm tra chất lượng dự án hoàn thành. Ban kiểm soát đánh giá thực hiện ĐTXD trên cơ sở hồ sơ sổ sách đơn vị cung cấp.

Ban kiểm soát không tham gia giám sát đầu thầu vận chuyển, bốc xếp, sàng chọn, pha trộn chế biến, dịch vụ thuê ngoài mà chỉ kiểm tra chọn mẫu hồ sơ, sổ sách, chứng từ.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin xin báo cáo thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 12 tháng năm 2025, Thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán và đánh giá chung các mặt quản lý tại Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin như sau:

1. Thực trạng tài chính, thực hiện các dự án đầu tư (bao gồm cả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp), tình hình sử dụng lao động.

1.1. Thực hiện kế hoạch SXKD 12 tháng năm 2025 sau kiểm toán:

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2025 số 6636/TKV-KH ngày 26/11/2024 và KH điều chỉnh	Thực hiện 12T.2025	% TH so KH năm 2025
A	B	C	1	2	3
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
a	Than mua vào	Tấn			
	Trong đó: - Than nhập khẩu	Tấn	4.130.000	4.130.926	100%
b	Than bán ra	Tấn	14.176.000	13.855.020	98%
	Trong đó: - Than tự doanh	Tấn	1.288.000	983.133	76%
	- Than giao lại TKV	Tấn	12.071.031	12.054.918	100%
	- Than nhập khẩu giao lại	Tấn	816.969	816.969	100%
2	Doanh thu tổng số	Triệu đồng	32.102.316	30.187.224	94%
a	Doanh thu than	"		30.109.963	
b	Phí dịch vụ tiêu thụ than				
c	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"		70.797	
d	Phí vận chuyển, bốc xếp than dịch vụ	"			
e	Doanh thu kinh doanh khác	"		6.464	
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	"	30.655.139	28.923.358	94%
4	Giá trị sản xuất (Lãi gộp = (2)-(3))	"	1.447.177	1.263.866	87%
4.1	GTSX than	"	1.372.977	1.186.606	86%
4.2	Phí dịch vụ tiêu thụ than				
4.3	GTSX hộ lớn	"	70.000	70.796	101%
4.4	Phí vận chuyển, bốc xếp than dịch vụ	"			
4.5	GTSX KD khác	"	4.200	6.464	154%
5	Giá trị sản xuất tính lương (Bằng Lãi gộp trừ vận chuyển sản xuất bán hàng thuê ngoài tại cuối nguồn)	"	623.092	572.713	92%

5.1	GTSX than	"	553.092	495.453	90%
5.2	Phí dịch vụ tiêu thụ than	"			
5.3	GTSX hộ lớn	"	69.800	70.796	101%
5.4	Phí vận chuyển, bốc xếp than dịch vụ	"			
5.5	GTSX KD khác	"	200	6.464	3232%
6	Chi phí SXKD		1.317.177	1.133.658	86%
6.1	Chi phí trung gian		1.102.902	923.603	84%
	Trong đó: Chi phí VCBX bán hàng thuê ngoài		823.885	691.153	84%
6.2	Giá trị gia tăng (GDP)	Triệu đồng	214.275	210.055	98%
	- Khấu hao tài sản	"	6.303	7.874	125%
	- Tiền lương người lao động	"	188.432	172.949	92%
	- Tiền lương VCQL chuyên trách		3.200	2.723	85%
	- Thù lao HĐQT		640	640	
	- BHXH, BHYT, KPCĐ	"	10.700	15.961	149%
	- Thuế trong giá thành	"	5.000	9.909	198%
7	Thu nhập, chi phí tài chính	Triệu đồng		(92.398)	
7.1	Thu nhập tài chính	"		43.777	
7.2	Chi phí tài chính	"	-	136.175	
	Trong đó: Chi phí lãi vay	"		128.091	
8	Thu nhập, chi phí khác	Triệu đồng		83.662	
8.1	Thu nhập khác	"		85.135	
8.2	Chi phí khác	"		1.473	
9	Tổng lợi nhuận	"	130.000	121.472	93%
10	Nộp ngân sách	Triệu đồng	Theo chế độ	1.448.950	
11	Đơn giá tiền lương		302	302	100%
12	Quỹ lương thực tế hạch toán vào giá thành		191.632	175.672	92%
13	Số dư tiền lương đầu năm			30.600	

14	Tiền lương chi trong kỳ			177.010	
15	Số dư tiền lương cuối kỳ			34.414	
16	Lao động bình quân	Người	617	617	100%
	- Lao động		611	611	100%
	- VCQL		6	6	109%
17	Tiền lương bình quân				
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	25.882.000	23.726.615	92%
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	25.700.000	23.568.937	92%
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	44.444.000	41.257.576	93%
18	Năng suất lao động				
	- Doanh thu (-) trừ chi phí chưa có lương:	Triệu đồng	321.632	297.144	92%
	- Năng suất lao động: DT (-) CP chưa có lương/Ng	Trđ/ng/năm	522	482	92%
19	Trích nộp các quỹ Tập đoàn				
20	Dư nợ vay ngân hàng	Triệu đồng	4.350.000	1.172.240	27%
	Trong đó: - Vay			1.172.240	
21	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng		871.107	
22	Than tồn kho	Tấn		1.427.409	
23	Thực hiện XDCCB	Triệu đồng	28.989	28.989	100%
24	Tổng nợ phải thu	Triệu đồng		601.101	
25	Tổng nợ phải trả	Triệu đồng		2.448.840	
26	Hệ số Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	6,60	2,81	43%
27	Hệ số Nợ phải trả/Vốn Điều lệ	Lần	-	16,33	
28	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,10	1,31	119%

Trong năm 2025, sản lượng huy động của các nhà máy nhiệt điện thường không ổn định và thay đổi so với kế hoạch đầu tháng; Mùa mưa kéo dài so với các năm, tổng lượng mưa lớn bất thường so với lịch sử, nhiều nhà máy giảm công suất phát điện, không nhận hết khối lượng than theo kế hoạch đăng ký, bốc dỡ hàng chậm... khiến than phải tồn lâu trên các phương tiện chờ dỡ hàng, gia tăng áp lực than tồn trên các hệ thống kho bãi... một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện đạt thấp hơn kế hoạch đầu năm: Doanh thu đạt: 30.187,224 tỷ/

32.102,316 tỷ KH năm bằng 94% so với kế hoạch năm; Lợi nhuận đạt 121,472 tỷ/ 130 tỷ KH năm bằng 93% so với kế hoạch năm; Giá trị sản xuất tính lương đạt: 572,713 tỷ/ 623,092 tỷ KH năm bằng 92% so với KH năm; Quỹ tiền lương hạch toán vào giá thành thực hiện 175,672 tỷ đồng/ 191,632 tỷ đồng bằng 92% kế hoạch năm. Tuy nhiên, trước những khó khăn do thời tiết cực đoan gây ra với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty, Ban lãnh đạo điều hành Công ty, Lãnh đạo các ĐVTT cùng với sự nỗ lực của toàn thể CBCVN Công ty kết quả năm 2025 vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; Dự kiến Công ty trả cổ tức 20% bằng 100% KH đề ra; Thu nhập bình quân tiền lương trích vào chi phí sản xuất trong kỳ đạt: 23.726.615 đồng/người/tháng, đời sống của CBCNV được ổn định; Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 là 2.515.180.230.439 đồng, hàng tồn kho giảm so với đầu năm là: 328.834.156.068 đồng; Hệ số nợ/ VCSH thực hiện 2,81 lần/ 6,6 lần KH năm đạt 43%; Khả năng thanh toán nợ đến hạn thực hiện 1,31 lần/ 1,1 lần KH năm đạt 119%. Công ty có khả năng thanh toán hiện thời đảm bảo; Công ty không phát sinh công nợ khó đòi.

1.2. Thực trạng tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2025

1.2.1. Vốn điều lệ.

* Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 150.000.000.000 đồng

* Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2025		01/01/2025	
	(VND)	%	(VND)	%
Tập đoàn TKV	101.160.000.000	67,44	101.160.000.000	67,44
Các thể nhân	48.840.000.000	32,56	48.840.000.000	32,56
Tổng cộng	150.000.000.000	100	150.000.000.000	100

1.2.2. Bảo toàn và phát triển vốn

Vốn chủ sở hữu của công ty đến 31/12/2025 là: 871.107.357.475 đồng, trong đó: vốn góp của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng, vốn khác của chủ sở hữu: 2.794.582.335 đồng, quỹ đầu tư phát triển: 277.364.211.241 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 440.948.563.899 đồng. Vốn chủ sở hữu đầu năm (01/01/2025) là: 845.009.849.013 đồng, trong đó: vốn góp của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng, vốn khác của chủ sở hữu: 5.184.136.731 đồng, quỹ đầu tư phát triển: 215.079.619.284 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 474.746.092.998 đồng. Vốn chủ sở hữu 12 tháng năm 2025 tăng lên so với đầu năm là: 26.097.508.462 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty được bảo toàn và phát triển.

1.2.3. Phân tích các chỉ tiêu tài chính

ĐVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay (kỳ báo cáo)	So sánh với cùng kỳ năm 2024	
		12 tháng năm 2024	12 tháng năm 2025	Tăng (giảm)	Tỷ lệ %
A	B	2	3	4=3-1	5=4/1
1	Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	845.009.849.013	871.107.357.475	26.097.508.462	103,09
	Vốn góp của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	

	Vốn khác của chủ sở hữu	5.184.136.731	2.794.582.335	(2.389.554.396)	53,91
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái				
	Quỹ đầu tư phát triển	215.079.619.284	277.364.211.241	62.284.591.957	128,96
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	474.746.092.998	440.948.563.899	(33.797.529.099)	92,88
2	Lợi nhuận				-
	Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	266.417.652.329	121.472.014.165	(144.945.638.164)	45,59
	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	199.650.125.203	80.901.172.865	(118.748.952.338)	40,52
3	Dự phòng phải thu khó đòi	3.019.978.437	3.019.978.437		-
4	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(73.509.556.885)		73.509.556.885	
5	Hệ số về khả năng thanh toán				-
a	Hệ số thanh toán hiện thời (lần)	1,23	1,31	0,07	106,07
b	Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,32	0,28	(0,04)	87,56
6	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn				
a	Hệ số nợ/Vốn CSH (lần)	3,78	2,81	(0,97)	74,29
b	Hệ số nợ/Vốn điều lệ (lần)	21,32	16,33	(4,99)	76,59
7	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản				
a	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn (%)	97,50	96,44	(1,06)	98,92
b	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn (%)	2,50	3,56	1,06	142,23
8	Hệ số về khả năng sinh lời				
a	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)	0,48	0,27	(0,21)	56,08
b	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) (%)	4,94	2,44	(2,50)	49,34
c	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn CSH	31,53	13,94	(17,58)	44,23
d	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	23,63	9,29	(14,34)	39,31

1.2.4. Hiệu quả hoạt động sử dụng vốn và tài sản 12 tháng năm 2025, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và khả năng thanh toán thực hiện:

- Hiệu quả hoạt động sử dụng vốn và tài sản 12 tháng năm 2025 sau kiểm toán Công ty thực hiện:

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế thực hiện trên vốn chủ sở hữu 12 tháng năm 2025 đạt 13,94 %, tỷ suất lợi nhuận trước thuế thực hiện trên vốn chủ sở hữu 12 tháng năm 2024 đạt 31,53 %, Công ty thực hiện chỉ tiêu này 12 tháng năm 2025 giảm so với 12 tháng năm 2024 là 17,58 %.

+ Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) 12 tháng năm 2024 đạt 23,63 %, Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) 12 tháng năm 2025 đạt 9,29 %, Công ty thực hiện chỉ tiêu này 12 tháng năm 2025 giảm so với 12 tháng năm 2024 là 14,34 %.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) 12 tháng năm 2024 đạt 4,94 %. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) 12 tháng năm 2025 đạt 2,44 %, Công ty thực hiện chỉ tiêu này 12 tháng năm 2025 thấp hơn so với 12 tháng năm 2024 là: 2,50 %.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và khả năng thanh toán thực hiện:

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thực hiện 12 tháng năm 2025 là: 2,81 lần, Định mức năm 2025 (Theo CV CV 363/TKV-KTTC ngày 21/01/2025) là: 6,6 lần đạt 43% so với kế hoạch định mức.

+ Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn 12 tháng năm 2025: Công ty thực hiện hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn tại thời điểm 31/12/2025 đạt 1,31 lần; Định mức năm 2025 (Theo CV CV 363/TKV-KTTC ngày 21/01/2025) là: 1,1 lần; Công ty có khả năng thanh toán hiện thời đảm bảo.

1.3. Thực hiện các dự án đầu tư 12 tháng năm 2025

- Kế hoạch vốn đầu tư trong năm 2025 là: 28.989 triệu đồng (Đã bao gồm VAT) thông qua tại QĐ số 3580/QĐ-TMB ngày 10/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin (theo VB số 6585/TKV-ĐT ngày 25/11/2024 của TKV về việc Thông báo kế hoạch đầu tư năm 2025 của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin) và các văn bản thông báo khác liên quan.

Kế hoạch gồm 11 dự án, trong đó có 09 dự án Kế hoạch chính thức và 02 dự án Kế hoạch chuẩn bị dự án và Kế hoạch dự phòng.

Tổng giá trị thực hiện 12 tháng năm 2025 là: 28.989 triệu đồng/giá trị kế hoạch 28.989 triệu đồng đạt 100 % kế hoạch.

Thông tin về dự án:

1. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin

2. Mục tiêu của dự án: Phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh

3. Quy mô đầu tư:

3.1 Kế hoạch chính thức gồm 09 Dự án nhóm C

- Dự án: Cải tạo nâng cấp hội trường, phòng họp tại Văn phòng - Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin đạt 22 triệu đồng;

- Dự án: Xây dựng trạm chế biến và kinh doanh than Cửa Ông - Chi nhánh Quảng Ninh đã thực hiện xong, giá trị thực hiện đạt 61 triệu đồng;

- Dự án đầu tư thiết bị bốc xếp kho cảng - Công ty KD than Miền Bắc - Vinacomin đã thực hiện xong, đạt giá trị 7.307 triệu đồng;

- Dự án: Xây dựng nhà văn phòng - Công ty KD than Hải Phòng, giá trị thực hiện đạt 6.365 triệu đồng;

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ công tác giám định chất lượng than - Chi nhánh Quảng Ninh đã thực hiện xong, giá trị thực hiện 5.994 triệu đồng;

- Dự án Đầu tư Lắp đặt hệ thống phun sương, dập bụi kho Kim Thành - Xí nghiệp Kinh doanh than Cầu Đuống, giá trị thực hiện đạt 1.179 triệu đồng.

- Dự án Đầu tư Lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi và lưới chắn bụi kho Trám kinh doanh Than Hàm Rồng đã thực hiện xong, giá trị thực hiện đạt 779 triệu đồng.

- Dự án đầu tư cải tạo, sửa chữa bến bốc xếp hàng hoá, kè bảo vệ bờ và hệ thống rửa xe kho cảng Khánh Phú - Công ty Kinh doanh than Ninh Bình đã thực hiện xong, giá trị thực hiện đạt: 5.478 triệu đồng.

- Dự án mua sắm thiết bị phục vụ điều hành sản xuất 2025 - Công ty Kinh doanh than Hải Phòng, giá trị thực hiện đạt 1.240 triệu đồng.

3.2 Kế hoạch chuẩn bị dự án và Kế hoạch dự phòng: 02 dự án nhóm B

- Dự án Cảng thủy nội địa Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin để cung cấp than phục vụ nhu cầu của các nhà máy nhiệt điện (Cảng Đông Hải).

- Dự án kho trung chuyển, chế biến và kinh doanh than Quảng Trị, giá trị thực hiện trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án đạt 564 triệu đồng.

4. Tổng mức đầu tư: 28.989 triệu đồng (Đã bao gồm VAT) (Hai mươi tám tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu đồng).

5. Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin.

Đề nghị Công ty tăng cường công tác kiểm tra giám sát đầu tư, công tác thuê kho bãi nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục phòng ngừa các sai sót trong triển khai thực hiện để hoạt động có hiệu quả trong SXKD, đúng quy định.

II. Thẩm định tính đầy đủ và hợp pháp và trung thực của BCTC

1. Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tăng, giảm		Tỷ lệ % cuối kỳ so với đầu năm
					Số tiền	Tỷ lệ %	
A	b	C	I	2	3=I-2	4=3/2	5=I/2
A	Tài sản ngắn hạn	100	3.201.752.324.969	3.941.365.606.255	(739.613.281.286)	(18,77)	81,23
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	69.783.383.026	17.767.530.131	52.015.852.895	292,76	392,76
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120					
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	601.100.703.659	1.031.280.515.944	(430.179.812.285)	(41,71)	58,29
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	152.729.918.496	1.012.904.834.366	(860.174.915.870)	(84,92)	15,08
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.413.313.456	7.096.894.247	(5.683.580.791)	(80,09)	19,91

3	Phải thu ngắn hạn khác	136	435.761.889.844	14.298.765.768	421.463.124.076	2.947,55	3.047,55
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(3.019.978.437)	(3.019.978.437)	0	0	100,00
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	14.215.560.300				
IV	Hàng tồn kho	140	2.515.180.230.439	2.844.014.386.507	(328.834.156.068)	(11,56)	88,44
1	Hàng tồn kho	141	2.515.180.230.439	2.917.523.943.392	(402.343.712.953)	(13,79)	86,21
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(73.509.556.885)	73.509.556.885		
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	15.688.007.845	48.303.173.673	(32.615.165.828)	(67,52)	32,48
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.393.287.339	8.381.926.554	2.011.360.785	24,00	124,00
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	3.956.238.924	36.983.273.669	(33.027.034.745)	(89,30)	10,70
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	1.338.481.582	2.937.973.450	(1.599.491.868)	(54,44)	45,56
B	Tài sản dài hạn	200	118.195.408.282	101.167.889.315	17.027.518.967	16,83	116,83
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	3.289.896.000				
2	Tài sản cố định	220	67.319.782.726	47.548.903.000	19.770.879.726	41,58	141,58
	Tài sản cố định hữu hình	221	65.668.799.101	44.606.076.775	21.062.722.326	47,22	147,22
	Tài sản cố định thuê tài chính	224					
	Tài sản cố định vô hình	227	1.650.983.625	2.942.826.225	(1.291.842.600)	(43,90)	56,10
3	Bất động sản đầu tư	230					
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	8.050.064.363	9.901.743.478	(1.851.679.115)	(18,70)	81,30
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250					
6	Tài sản dài hạn khác	260	39.535.665.193	43.717.242.837	(4.181.577.644)	(9,57)	90,43
	Chi phí trả trước dài hạn		39.535.665.193	43.717.242.837	(4.181.577.644)	(9,57)	90,43
	Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)	270	3.319.947.733.251	4.042.533.495.570	(722.585.762.319)	(17,87)	82,13
C	Nợ phải trả	300	2.448.840.375.776	3.197.523.646.557	(748.683.270.781)	(23,41)	76,59
I	Nợ ngắn hạn	310	2.448.840.375.776	3.197.523.646.557	(748.683.270.781)	(23,41)	76,59
1	Phải trả cho người bán	311	775.223.915.662	699.594.536.635	75.629.379.027	10,81	110,81
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.049.877.642	29.333.024.981	(23.283.147.339)	(79,38)	20,62
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	38.160.010.487	91.614.083.305	(53.454.072.818)	(58,35)	41,65

4	Phải trả người lao động	314	34.413.536.619	30.600.089.391	3.813.447.228	12,46	112,46
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.263.167.028	5.862.601.594	(4.599.434.566)	(78,45)	21,55
6	Doanh thu chưa thực hiện	318	394.091.913.368				
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	4.936.102.988	30.273.144.557	(25.337.041.569)	(83,69)	16,31
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.172.239.610.979	2.286.186.839.683	(1.113.947.228.704)	(48,73)	51,27
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	22.462.241.003	24.059.326.411	(1.597.085.408)	(6,64)	93,36
II	Nợ dài hạn	330					
D	Vốn chủ sở hữu	400	871.107.357.475	845.009.849.013	26.097.508.462	3,09	103,09
I	Vốn chủ sở hữu	410	871.107.357.475	845.009.849.013	26.097.508.462	3,09	103,09
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	150.000.000.000	150.000.000.000	0	0	100,00
2	Vốn khác của chủ sở hữu	414	2.794.582.335	5.184.136.731	(2.389.554.396)	(46,09)	53,91
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	418					
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	277.364.211.241	215.079.619.284	62.284.591.957	28,96	128,96
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420					
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	440.948.563.899	474.746.092.998	(33.797.529.099)	(7,12)	92,88
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	360.047.391.034	275.095.967.795	84.951.423.239	30,88	130,88
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	80.901.172.865	199.650.125.203	(118.748.952.338)	(59,48)	40,52
7	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422					
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430					
1	Nguồn kinh phí	431					
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432					
	Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	3.319.947.733.251	4.042.533.495.570	(722.585.762.319)	(17,87)	82,13

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	12T năm 2025	12T năm 2024	Tăng (giảm) so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	30.187.223.919.710	41.775.818.154.215	(11.588.594.234.505)	72,26
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VII.2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		30.187.223.919.710	41.775.818.154.215	(11.588.594.234.505)	72,26
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	28.923.357.834.385	40.193.816.352.756	(11.270.458.518.371)	71,96
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.263.866.085.325	1.582.001.801.459	(318.135.716.134)	79,89
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	43.776.982.672	80.156.549.705	(36.379.567.033)	54,61
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	136.175.487.183	207.969.421.251	(71.793.934.068)	65,48
Tr.đó: Chi phí lãi vay	23		128.091.193.319	174.222.340.686	(46.131.147.367)	73,52
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	1.055.910.485.749	1.183.823.326.866	(127.912.841.117)	89,19
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	77.747.735.953	76.778.737.989	968.997.964	101,26
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {20+(21-22)-(25+26)}	30		37.809.359.112	193.586.865.058	(155.777.505.946)	19,53
11. Thu nhập khác	31	VII.6	85.135.745.446	75.821.459.237	9.314.286.209	112,28
12. Chi phí khác	32	VII.7	1.473.090.393	2.990.671.966	(1.517.581.573)	49,26
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		83.662.655.053	72.830.787.271	10.831.867.782	114,87
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		121.472.014.165	266.417.652.329	(144.945.638.164)	45,59
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	40.570.841.300	66.767.527.126	(26.196.685.826)	60,76
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		80.901.172.865	199.650.125.203	(118.748.952.338)	40,52
18. Lãi trên cổ phiếu*	70		5.393	11.656		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu*	71					

3. Chi phí sản xuất theo yếu tố
 Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Tổng 641,642,154	Chi phí bán hàng (641)	Chi phí quản lý DN (642)	Chi phí Chế biến (154)
	TỔNG CỘNG	1.467.920.093.909	1.055.910.485.749	77.747.735.953	334.261.872.207
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.005.850.359	4.828.295.262	1.181.618.725	1.995.936.372
	- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	0		0	0
	- Chi phí nhiên liệu	5.740.957.875	2.905.567.611	839.453.892	1.995.936.372
	- Động lực (Tiền điện)	2.264.892.484	1.922.727.651	342.164.833	0
2	Chi phí dự phòng	-	-	-	-
3	Chi phí nhân viên	196.771.555.274	173.639.326.737	22.044.457.000	1.087.771.537
3.1	Tiền lương	175.671.856.312	155.708.297.057	18.978.029.415	985.529.840
	- Tiền lương người lao động	172.948.856.312	155.708.297.057	16.255.029.415	985.529.840
	- Lương viên chức quản lý	2.723.000.000	0	2.723.000.000	0
3.2	BHXH, BHYT, KPCĐ	15.960.600.962	13.951.352.649	1.931.929.585	77.318.728
3.3	Ăn ca	4.400.870.000	3.912.177.031	463.770.000	24.922.969
3.4	Thù lao HĐQT, Ban Ksoát	639.840.000	0	639.840.000	0
3.5	Phụ cấp ATVS, khác	98.388.000	67.500.000	30.888.000	0
4	Chi phí công cụ dụng cụ	6.312.910.648	4.858.647.579	1.454.263.069	0
5	Chi phí khấu hao TSCĐ	7.874.518.809	5.560.387.893	2.314.130.916	0
6	Dịch vụ mua ngoài	1.124.734.160.749	785.586.044.882	7.969.951.569	331.178.164.298
7	Chi phí khác bằng tiền	124.221.098.070	81.437.783.396	42.783.314.674	0

4. Thực hiện trích và sử dụng Quỹ tiền lương 12 tháng năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Số tiền
1	Số dư đầu năm TK 334	30.600.089.391
	- Dư quỹ lương	30.057.065.391
	- Ăn ca chưa chi	368.933.000
	- Các khoản khác thanh toán qua lương	174.091.000
2	Quỹ lương được chi trong năm	180.823.304.812
2.1	Quỹ tiền lương	175.671.856.312
	Trong đó: Lương người quản lý	2.723.000.000

2.1.1	Quỹ lương được trích trong giá thành	175.671.856.312
	- Than	167.591.718.729
	- Điện	
	- Sản phẩm khác	8.080.137.583
	- Kinh doanh dịch vụ hộ lớn	
2.1.2	Lương được cấp từ Cty than Miền Bắc	
2.2	Ăn ca	4.400.870.000
2.3	Các khoản khác thanh toán qua lương	750.578.500
3	Đã chi	177.009.857.584
3.1	Chi quỹ lương	171.840.337.254
3.2	Chi ăn ca	4.417.729.000
3.3	Các khoản khác thanh toán qua lương	751.791.330
4	Dư cuối kỳ TK 334	34.413.536.619
	- Dư quỹ lương	33.888.584.449
	- Ăn ca	352.074.000
	- Các khoản khác thanh toán qua lương	172.878.170

5. Quỹ thưởng Người quản lý

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư ngày 01/01/2025 theo BC tài chính	282.916.667	
2	Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế 2024		
3	Tổng chi:	282.916.667	
4	Số dư ngày 31/12/2025 theo BC tài chính	0	

6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Đơn vị tính: VNĐ

T	Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp lũy kế 12 tháng năm 2025	Số đã nộp lũy kế 12 tháng năm 2025	Số còn phải nộp cuối kỳ
A	B	C	1	2	3	4
I	Thuế (10=11+12+13+14+15+16+17+18+19)	10	91.613.941.345	1.448.886.947.454	1.502.340.878.312	38.160.010.487
1	Thuế giá trị gia tăng	11	67.329.484.188	1.249.071.248.787	1.292.152.850.619	24.247.882.356
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	12				
3	Thuế xuất, nhập khẩu	13		67.674.881.600	67.674.881.600	0
-	Thuế xuất khẩu	13.1				
-	Thuế nhập khẩu	13.2		67.674.881.600	67.674.881.600	0
4	Thuế thu nhập DN	14	19.842.435.541	40.570.841.300	49.188.117.367	11.225.159.474
5	Thuế thu nhập cá nhân	15	4.441.489.277	10.570.737.288	12.325.257.908	2.686.968.657

T	Chi tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp lũy kế 12 tháng năm 2025	Số đã nộp lũy kế 12 tháng năm 2025	Số còn phải nộp cuối kỳ
6	Thuế tài nguyên	16	532.339	532.339	1.064.678	0
7	Thuế nhà đất và thuế đất	17		4.955.771.248	4.955.771.248	0
8	Thuế bảo vệ môi trường	18		68.576.384.100	68.576.384.100	0
9	Các loại thuế khác	19		7.466.550.792	7.466.550.792	0
I	Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30	141.960	63.872.905	64.014.865	0
1	Phí bảo vệ môi trường	31	141.960	141.960	283.920	0
2	Phí sử dụng tài liệu địa chất	32				
3	Tiền cấp quyền khai thác	33				
4	Các khoản phụ thu	34				
5	Các khoản phí, lệ phí	35				
6	Các khoản khác	36		63.730.945	63.730.945	0
	Tổng cộng (40=10+30)		91.614.083.305	1.448.950.820.359	1.502.404.893.177	38.160.010.487

7. Quản lý công nợ phải thu, phải trả

7.1. Công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng

Số dư công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm 01/01/2025 là 1.012.904.834.366 đồng, giảm so với đầu năm là: 860.174.915.870 đồng.

Công ty thường xuyên có văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thu hồi công nợ chi tiết từng khách hàng, các đơn vị đã có nhiều biện pháp để thu hồi công nợ tiền than của khách hàng nên Công ty không có công nợ phải thu ngoài TKV ngoài trường hợp Công ty HPE đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phát sinh từ năm 2007. Tuy nhiên công nợ một số đơn vị trong TKV hiện tại đang tăng so với năm 2024, điển hình tại Công ty Tuyển than Hòn Gai công nợ phát sinh từ tháng 6 năm 2025. Đề nghị Công ty tiếp tục chỉ đạo, theo dõi sát sao công nợ phải thu, phải trả.

Một số công nợ phải thu của khách hàng cần lưu ý:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng		Thời gian phát sinh nợ
		Tại 01/01/2025	Tại 31/12/2025	
A	Công nợ phải thu ngoài TKV	3.315.687.849	3.021.481.658	
I	Công ty KD than Hải Phòng		1.503.221	
1	Cty CP tư vấn và XD dân dụng CN Hà Nội		1.503.221	Tháng 12/2025
II	Công ty KD than Bắc Thái	3.019.978.437	3.019.978.437	
1	Công ty HPE	3.019.978.437	3.019.978.437	Năm 2007
III	Công ty KD than Vĩnh Phú	295.709.412		

1	Công ty TNHH TM và VT DD-QN 568	295.709.412		
B	Công nợ phải thu trong TKV	1.009.589.146.517	149.708.436.838	
1	Công ty CP Gang Thép Cao Bằng	8.345.667.500	3.441.823.030	Tháng 12/2025
2	Chi Nhánh Luyện Đồng Lào Cai – VIMICO	3.753.028.510		
3	Công ty than Na Dương-VVMI-Chi nhánh cty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	26.061.512.331	36.567.082.588	Tháng 12/2025
4	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	16.784.844.720	20.030.761.030	Tháng 12/2025
5	Công ty Tuyển than Hòn Gai		911.631.654	Tháng 06/2025
6	Công ty nhiệt điện Sơn Động-TKV-Chi nhánh tổng công ty điện lực TKV-CTCP		106.853.525.172	Tháng 12/2025
7	Công ty chế biến than Quảng Ninh -TKV	2.483.870.433		
8	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả	952.160.223.024	18.470.695.952	Tháng 12/2025
	TỔNG CỘNG	1.012.904.834.366	152.729.918.496	

7.2 Số dư dự phòng (DP) các khoản phải thu khó đòi đến 31/12/2025 là 3.019.978.437 đồng (nợ cũ của nhà thầu HPE từ 2007).

Chi tiết công nợ khó đòi

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Đối tượng nợ	Đầu năm			Cuối kỳ 31/12/2025		
		Giá gốc	DK thu hồi	Trích lập DP	Giá gốc	DK thu hồi	Trích lập DP
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng số	3.019.978.437		3.019.978.437	3.019.978.437	-	3.019.978.437
I	Từ 6-12 tháng						
II	Từ 1-2 năm						
III	Từ 2-3 năm	-	-	-	-	-	-
IV	Trên 3 năm	3.019.978.437	-	3.019.978.437	3.019.978.437	-	3.019.978.437
	Công ty HPE	3.019.978.437		3.019.978.437	3.019.978.437		3.019.978.437

7.3 Nợ phải trả:

Nợ phải trả ngày 01/01/2025 là 3.197.523.646.557 đồng, Nợ phải trả ngày 31/12/2025 là 2.448.840.375.776 đồng, giảm 748.683.270.781 đồng so với đầu năm 2025.

Trong đó:

Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Tên Ngân Hàng	Dư đầu kỳ 01/01/2025	Phát sinh tăng năm 2025	Phát sinh giảm năm 2025	Dư cuối kỳ 31/12/2025
1	Công thương VN	395.567.956.560	2.768.524.335.972	2.981.392.318.554	182.699.973.978
2	Quân Đội	0	886.253.732.928	886.253.732.928	
3	Quốc tế VN	213.842.215.320	211.492.730.414	425.334.945.734	
4	An Bình	0			
5	Hàng Hải	0	436.553.954.958	436.553.954.958	
6	Đầu tư -CN Hai Bà Trưng	229.408.235.720	190.787.704.454	420.195.940.174	
7	Đầu tư - CN Quang Trung	409.947.827.011	1.101.632.823.686	1.258.616.775.545	252.963.875.152
8	Vietcombank-CN Quảng Ninh	760.478.217.171	4.073.913.971.813	4.380.142.274.618	454.249.914.366
9	Vietcombank-CN Móng Cái		966.671.173.446	700.057.726.346	266.613.447.100
10	Agribank	276.942.387.901	976.218.221.706	1.237.448.209.224	15.712.400.383
TỔNG CỘNG		2.286.186.839.683	11.612.048.649.377	12.725.995.878.081	1.172.239.610.979

8. Quản lý hàng tồn kho

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Cuối kỳ 31/12/2025	Đầu kỳ 01/01/2025	Tăng (giảm) so với đầu kỳ
Hàng mua đang đi đường	95.544.901.356	463.315.186.946	(367.770.285.590)
Nguyên liệu, vật liệu	82.460.175	28.026.686	54.433.489
Hàng hóa tồn kho	2.046.067.851.422	2.384.178.948.282	(338.111.096.860)
Hàng gửi bán	373.485.017.486	70.001.781.478	303.483.236.008
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(73.509.556.885)	73.509.556.885
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.515.180.230.439	2.844.014.386.507	(328.834.156.068)

Tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 là 2.515.180 triệu đồng, hàng tồn kho giảm so với đầu năm là: 328.834 triệu đồng. Công ty đã có nhiều biện pháp quản lý hàng tồn kho, vì nhu cầu than chế biến, chuẩn bị chân hàng cho các khách hàng sản xuất nên lượng than tồn kho của Công ty lớn đề nghị Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ hàng tồn kho để tránh tình trạng thiếu hụt kho ngoài định mức, tính toán lượng than tồn kho hợp lý, theo dõi chặt chẽ tuổi than tồn kho để tránh tình trạng ứ đọng, thất thoát vốn. Đề nghị Công ty tiếp tục kiểm tra các Công ty trực thuộc, các kho trạm về công tác triển khai các biện pháp để đáp ứng các điều kiện bảo hiểm hàng hóa là than, để đảm bảo đáp ứng được các điều kiện về bảo hiểm và được hưởng bồi thường bảo hiểm khi rủi ro xảy ra.

9. Các vấn đề khác theo quy định:

- Qua kiểm tra chọn mẫu chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính, nhìn chung Công ty đã chấp hành tốt các quy định về quản lý tài chính, quy định về hạch toán, kế toán theo chế độ doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, TKV và Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin. Tuy nhiên để hoàn thiện hơn công tác quản lý tài chính, đề nghị Công ty và các đơn vị trực thuộc thường xuyên rà soát, đối chiếu giữa các báo cáo tổng hợp báo cáo tài chính với các báo cáo chi tiết và các sổ sách, chứng từ để đảm bảo tính nhất quán. Thận trọng trong việc lựa chọn sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp để đảm bảo nhà cung cấp tuân thủ pháp luật, hóa đơn đúng quy định.

- Đề nghị Công ty tiếp tục chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra các đơn vị thực hiện công tác đấu thầu/ chào hàng cạnh tranh đúng quy định.

- Đề nghị Công ty tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, phù hợp với các quy chế, quy định của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam.

- Đề nghị Công ty đôn đốc các đơn vị trực thuộc khắc phục những sai sót trong 12 tháng năm 2025.

Ban Kiểm soát Báo cáo Đại hội đồng Công ty về việc Thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 và Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 như trên.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Công ty thông qua. *lsh*

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (Báo cáo);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Lãnh đạo điều hành Công ty;
- Các thành viên BKS;
- Lưu VT, thư ký Công ty.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đặng Thị Hải Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ban Kiểm soát

Số: 667 TTr-BKS

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỂ THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN
NĂM 2026

Kính gửi: Các quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần

Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin

Để lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin (Công ty) năm 2026, Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty năm 2026, cụ thể:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF - TTG

- Địa chỉ: Số 22 Lê Trọng Tấn, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0106679575 đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 29 tháng 07 năm 2025

- Điện thoại: 0888 136 336

- Mã số thuế: 0106679575

- Tài khoản số: 1401989112666 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội 1

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF - TTG đáp ứng đầy đủ các yêu cầu là Công ty Kiểm toán nằm trong danh sách được Bộ Tài chính công nhận đủ điều kiện kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các Công ty niêm yết..

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (Báo cáo);
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty
với doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan trong năm 2026

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin;

Theo Điều 15 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin, Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất.

Theo khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty dự kiến tiếp tục phát sinh các hợp đồng, giao dịch thường xuyên, liên tục với: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV); các công ty con, đơn vị trực thuộc TKV; các doanh nghiệp có liên quan đến người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật.

Các giao dịch này chủ yếu là hợp đồng mua bán than, hợp đồng dịch vụ, cung ứng vật tư, giám định, vận chuyển và các hoạt động thương mại liên quan phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Do tổng giá trị các hợp đồng, giao dịch nêu trên trong quá trình thực hiện có thể đạt hoặc vượt các ngưỡng quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 15 Điều lệ Công ty, thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản



trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua chủ trương đề Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức ký kết và triển khai thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các tổ chức, cá nhân có liên quan nêu trên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- VP-TH (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *ch*
CHỦ TỊCH


Trần Đạo



Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Thông qua việc giao cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2026 và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, môi trường kinh doanh và quá trình triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng.

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

Để tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị, Công ty chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, điều hành sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 một cách linh hoạt. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, môi trường kinh doanh và quá trình triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- VP-TH (đăng trên Website);
- Lưu VT, Thư ký Cty,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Đạo

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm Thành viên
Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin**

I. Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin;
- Quyết định số 286/QĐ-TKV ngày 13/02/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thay đổi Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty;
- Quyết định số 492/QĐ-TKV ngày 26/03/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thay đổi Người đại diện phần vốn và Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị tại Công ty;
- Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 23/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

II. Nội dung trình Đại hội

1. Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-TKV ngày 13/02/2026 của TKV về việc thay đổi Người đại diện của TKV tại Công ty, theo đó ông Nguyễn Minh Hải không còn là Người đại diện của TKV tại Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 23/02/2026, trong đó:

- Ghi nhận việc ông Nguyễn Minh Hải không còn là Người đại diện của TKV tại Công ty;
- Chấp thuận chủ trương ông Nguyễn Minh Hải thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/03/2026;



- Thống nhất ông Nguyễn Minh Hải không tham gia biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định theo thẩm quyền.

2. Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-TKV ngày 26/03/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thay đổi Người đại diện phần vốn và Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị tại Công ty, theo đó ông Trần Đạo không còn là Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty; thôi làm người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Công ty và từ nhiệm các chức vụ trong Hội đồng quản trị Công ty.

Căn cứ các nội dung nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét:

1. Miễn nhiệm tư cách Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với ông Nguyễn Minh Hải.

2. Miễn nhiệm tư cách Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027 đối với ông Trần Đạo.

III. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- VP-TH (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Đạo

TỜ TRÌNH
Về việc bầu bổ sung thành viên
Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin**

I. Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc – Vinacomin;
- Quyết định số 286/QĐ-TKV ngày 13/02/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thay đổi Người đại diện phần vốn và Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị tại Công ty;
- Quyết định số 492/QĐ-TKV ngày 26/03/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thay đổi Người đại diện phần vốn và Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị tại Công ty;
- Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 23/02/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

II. Nội dung trình Đại hội

Căn cứ đề nghị của TKV – cổ đông lớn của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Ứng viên được đề cử:

1. Ông Hoàng Minh Long
2. Ông Võ Khắc Nghiêm

(Thông tin chi tiết của ứng viên được công bố và gửi kèm theo tài liệu Đại hội.)



Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét, quyết định việc bổ sung ứng viên (nếu có) trên cơ sở đề nghị của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có hồ sơ hợp lệ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc: Bầu bổ sung 02 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022–2027 trong danh sách ứng viên nêu trên theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- VP-TH (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 




Trần Đạo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử, đề cử để bầu làm thành viên HĐQT

*Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin,
thời gian còn lại nhiệm kỳ 2022 - 2027*



- Họ và tên: **HOÀNG MINH LONG**
- Gới tính: **Đàn ông**
- Ngày, tháng, năm sinh: Ngày 26 tháng 2 năm 1979
- Nơi sinh: Phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh
- Số căn cước công dân: 022079004442, cấp ngày 10/08/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, Khu 4B, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0987.262.586
- Địa chỉ email/Email:
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tuyển khoáng, Thạc sỹ Chính trị học
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
10/2001- 2/2010	Nhân viên Phân xưởng Tuyển than 2, Công ty tuyển than Cửa Ông - TKV
02/2010-3/2010	Nhân viên giao nhận than Phân xưởng CB&KD than Máy Chai, Công ty Kinh doanh than Hải Phòng thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin
04/2010-11/2010	Cán bộ giao nhận Trạm CB&KD than Cửa Cẩm, Công ty Kinh doanh than Hải Phòng thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin
12/2010-11/2012	Thủ kho Trạm CB&KD than Minh Đức, Công ty Kinh doanh than Hải Phòng thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin
12/2012 - 7/2013	Tổ trưởng GN than cuối nguồn, Trạm CB&KD than Minh Đức, Công ty Kinh doanh than Hải Phòng thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin



7/2013- 4/2014	Cửa hàng trưởng Cửa hàng Thủy nguyên, Trạm CB&KD than Minh Đức, Công ty Kinh doanh than Hải Phòng thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin
5/2014- 9/2014	Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty Kinh doanh than Hải Phòng thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin
10/2014- 3/2019	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty Kinh doanh than Hải Phòng thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin
04/2019 - 4/2020	Phó trưởng phòng Kế hoạch thị trường, Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin
5/2020 - 16/4/2024	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin
16/4/2024 - đến nay	Phó tổng giám đốc phụ trách Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.



15. Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng giám đốc phụ trách Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

16. Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

Mối quan hệ gia đình:

TT	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND/CCCD	Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi làm việc
1	Hoàng Minh Phác	Bố			Đã mất.
2	Nguyễn Thị Định	Mẹ	022150000752 Cấp ngày: 22/12/2021	Nghỉ hưu	Số nhà 13 Ngõ 728 tổ 99 khu phố Cửa Ông 10A - phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh
3	Hà Thị Huyền Phương	Vợ	022181005875 Cấp ngày: 25/04/2021	Công nhân	- Tổ 4, Khu 4B, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Công ty Tuyển than Hòn Gai - TKV
4	Hoàng Hà Duy	Con	022203002583 Cấp ngày: 13/05/2021	Sinh viên	- Chung cư Sunshine Garden, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội. - Đại học Mở Hà Nội
5	Hoàng Hà Phương Uyên	Con		Học sinh	- Tổ 4, Khu 4B, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

06
G T
PH
ANH
N F
ACO
PHC

6	Hoàng Gia Khánh	Con		Học sinh	- Tổ 4, Khu 4B, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
7	Hoàng Minh Thái	Anh trai	022071002186 Cấp ngày: 25/04/2021	Nhân viên	- SN 4 Ngõ 728 tổ 99 khu phố Cửa Ông 10 A, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh. - Xí nghiệp KD than Cầu Đuồng thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin;
8	Hoàng Minh Phú	Anh trai	022073001032 Cấp ngày: 10/08/2021	Cán bộ	- SN 22, ngõ 465, tổ 73, khu phố Cửa Ông 7, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh. - Công ty Kinh doanh than Hà Bắc thuộc Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin.

17. Số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin

- Sở hữu cá nhân: Không

- Đại diện phần vốn Nhà nước: Không

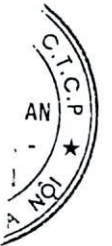
18. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

19. Hành vi, vi phạm pháp luật: Không

20. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

21. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trên./.



XÁC NHẬN

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2026

Của Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin
TL. TÔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG TCNS

NGƯỜI KÊ KHAI



Nguyễn Đức Tuấn

Hoàng Minh Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ứng cử, đề cử để bầu làm thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin,
thời gian còn lại của nhiệm kỳ (2022 – 2027)



- Họ và tên: Võ Khắc Nghiêm
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 31 tháng 03 năm 1971
- Nơi sinh: Ưông Bí, Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân: 022071012334 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, cấp ngày 22/12/2021
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã An Trường, thành phố Hải Phòng.
- Địa chỉ thường trú: khu Yên Thanh 1, Phường Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại liên lạc: 0912.192.875
- Địa chỉ email/Email:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ; Đơn vị công tác
Từ 4/8/1992-9/1999	Nhân viên kinh tế - Phân xưởng Cơ Giới - Mỏ than Yên Tử.
Từ 9/1999- 6/2002	Phó quản đốc phân xưởng Sàng tuyển 2 - Xí nghiệp than Nam Mẫu - Công ty than Ưông Bí.
Từ 6/2002-9/2003	Phó phòng chỉ đạo sản xuất - Xí nghiệp than Nam Mẫu - Công ty than Ưông Bí.
Từ 9/2003-2/2005	Phó phòng Kế hoạch - Tiêu thụ - Xí nghiệp than Nam Mẫu - Cty than Ưông Bí.
Từ 2/2005-9/2005	Phó phòng Điều hành sản xuất tiêu thụ - Xí nghiệp Sàng tuyển và sàng Công ty than Ưông Bí.
Từ 9/2005-9/2007	Trưởng phòng Điều hành sản xuất - Tiêu thụ - Xí nghiệp Sàng tuyển và sàng Công ty than Ưông Bí.



Từ 16/9/2007- 30/3/2011	Trưởng phòng Điều hành sản xuất - Tiêu thụ - Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin.
Từ 30/3/2011 đến 29/02/2020	Phó giám đốc - Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin.
Từ 01/3/2020 đến 29/03/2026	Giám đốc - Công ty kho vận Đá Bạc - Vinacomin.

15. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Quản lý vốn, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

16. Chức vụ công tác ở công ty khác:

Mối quan hệ gia đình:

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số CCCD	Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi làm việc
1	Võ Hoàng Tụ	Bố	031043004916 cấp ngày 25/6/2021	Nghỉ hưu	Số nhà 64, Phố Trần Nhân Tông, Phường Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
2	Bùi Thị Thao	Mẹ	022148000042 cấp ngày 17/2/2023	Nghỉ hưu	Số nhà 64, Phố Trần Nhân Tông, Phường Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
3	Nguyễn Thị Thắm	Vợ	022171009593 cấp ngày 28/6/2021	Làm việc tự do	Số nhà 39, khu Yên Thanh, Phường Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
4	Võ Hoàng Phúc	Con trai	022097000515 cấp ngày 14/8/2021	Nhân viên	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB), 18 Lê Văn Lương, Hà Nội
5	Võ Hoàng Tấn	Con trai	022203003041 cấp ngày 13/5/2021	Làm việc tự do	Tại Bt2-20, KĐT mới Văn Trung, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.
6	Vũ Thị Thúy Hường	Chị ruột	022169002546 cấp ngày 28/9/2021	Nghỉ hưu	Số 179, Đường Lụng Xanh, Phường Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
7	Võ Thanh Bình	Em ruột	022073000008 cấp ngày 04/02/2022	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Xây dựng;
8	Võ Thúy Nga	Chị ruột	022175000897 cấp ngày 14/8/2021	Trưởng phòng khách	Ngân hàng BIDV Tây Nam Quảng Ninh;

				hàng cá nhân	
--	--	--	--	--------------	--

17. Số cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần kinh doanh Than Miền Bắc-Vinacomin.

- Sở hữu cá nhân: 0 (không) cổ phần;

- Đại diện phần vốn Nhà nước: 10.116.000 cổ phần (bằng 67,44% vốn điều lệ)

18. Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

19. Hành vi, vi phạm pháp luật: Không

20. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

21. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trên./.

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

XÁC NHẬN

Của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Nguyễn Quốc Tuấn

NGƯỜI KÊ KHAI

[Handwritten signature]

Võ Khắc Nghiêm

